

TÀI LIỆU ĐẶC TẢ NGHIỆP VỤ YÊU CẦU

Mã dự án	WAREHOUSE
Mã tài liệu	APUS_WH
Phiên bản	V2.0

Biên soạn tài liệu:

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày tạo:

08/2024

Email:

thao.nguyenphuong@apuscorp.com

Phone:

Quản lý phiên bản

No.	Nội dung thay đổi	Phiên bản	Ngày thay đổi	Người thực hiện
1.	Khởi tạo tài liệu	1.0		
2.				

*Note: Bảng quản lý phiên bản tài liệu được sử dụng để update và quản lý các thay đổi trong tài liệu này. Bất cứ một sự thay đổi nào, do ai thực hiện, ngày thực hiện đều được ghi một cách chi tiết và rõ ràng vào bảng, đảm bảo người tiếp nhận tài liệu có thể dễ dàng tracking được sự thay đổi xảy ra tại bước nghiệp vụ nào hay giao diện hệ thống nào.*

## Giới Thiệu

### 1.1. Mục Đích

#### **Yêu Cầu Đặc Tả Nghiệp Vụ sẽ:**

- ❖ Xác định phạm vi về mục tiêu nghiệp vụ của hệ thống, các chức năng và các đơn vị tổ chức sử dụng hệ thống.
- ❖ Xác định các quy trình nghiệp vụ mà giải pháp cần đáp ứng
- ❖ Tạo điều kiện cho sự hiểu biết chung về các yêu cầu chức năng đối với tất cả các bên liên quan,

Thiết lập một cơ sở để có cái nhìn chung cho toàn bộ các đơn vị liên quan về yêu cầu chức năng trong hệ thống.

### 1.2. Đối Tượng Sử Dụng

- ❖ Tài liệu này sử dụng cho các đối tượng sau:
- ❖ Developer: Có trách nhiệm trong việc phát triển thiết kế hệ thống chi tiết, thực hiện kiểm tra chức năng, kiểm tra tích hợp hệ thống.
- ❖ UI Designer: Lên kế hoạch và phát triển phần UI.
- ❖ Tester: Lên kế hoạch kiểm thử và xác thực kết quả.
- ❖ Đội tài liệu: Chịu trách nhiệm viết các hướng dẫn sử dụng cho ứng dụng
- ❖ Đội UAT: Chịu trách nhiệm thực hiện các phiên kiểm tra chấp nhận người dùng với người dùng cuối.

### 1.3. Thuật Ngữ


Từ viết tắt	Diễn Giải
SRS	Tài Liệu Đặc Tả Nghiệp Vụ Hệ Thống (System Requirement Specification)
SA	Sale Admin
NVBH	Nhân viên bán hàng
MSA	Manage Sales Admin
CSKH	Chăm sóc khách hàng




UC	Chức Năng (Use Case)
US	User Story
BR	Quy Tắc Nghiệp Vụ (Business Rule)
CBR	Quy Tắc Nghiệp Vụ Chung (Common Business Rule)
ET	Mẫu Email (Email Template)
N/A	Không Khả Dụng (Not Applicable or Not Available)
MSG	Thông Báo (Message)
[Field]	Thông tin khai báo trong dấu [] là tên trường dữ liệu.
<<Field>>	Thông tin khai báo trong dấu <<>> là công thức.
“Text Value”	Thông tin khai báo trong dấu “ ” là tên riêng hoặc giá trị.
<Value>	Thông tin khai báo trong dấu <> là giá trị được tính toán (ví dụ <Ngày Hiện Tại>).
<TBD>	Sẽ update sau (To be defined)
Tác động	Là nghiệp vụ quản lý các chương trình khuyến mãi, đổi điểm tiêu điểm sang voucher

#### 1.4. Nguồn Tham Khảo

N/A

#### 1.5. Quy hoạch Feature và Phân quyền

Tên	Đường dẫn
Ma trận phân quyền	 <i>Phân quyền các service</i>

<b>Quy hoạch Feature</b>	 <i>Quy hoạch Feature</i>
<b>Notify</b>	 <i>Tổng hợp validate/Mã lỗi</i>
<b>Mã lỗi</b>	 <i>Tổng hợp validate/Mã lỗi</i>

## 2. Quy trình nghiệp vụ

### 2.1. Tổng quan

- Đối tượng sử dụng hệ thống : CSKH, NVBH, SA, BQL
- Admin có quyền lớn nhất bao gồm quản lý các user phân hệ, cấu hình cho từng User và xem được báo cáo của các User

### 2.2. User Case (UC)

#### Mô tả nghiệp vụ Các Chức Năng

	<b>Tên Chức Năng</b>	<b>Mô Tả US</b>	<b>Đối Tượng Sử Dụng</b>
1			

### 2.3. Mô hình phân rã chức năng

### 2.4. Mô hình quy trình nghiệp vụ

### 2.5 Phân quyền hệ thống

## 3. Chi tiết chức năng nghiệp vụ

### 3.1 Cấu hình định mức lưu trữ tồn kho

#### 3.1.1. Danh sách cấu hình định mức lưu trữ tồn kho

- Mô tả nghiệp vụ

<b>Chức năng</b>	Cấu hình định mức lưu trữ tồn kho
<b>Đối tượng ảnh hưởng</b>	Nhân viên kho
<b>Kênh áp dụng</b>	Web
<b>Hiện trạng</b>	Đã có ver 1
<b>Thay đổi</b>	
<b>Đường dẫn chức năng</b>	Cấu hình > Quản lý kho vật lý > Cấu hình lưu trữ vật lý > Cấu hình định mức lưu trữ tồn kho

<b>Actor chính</b>	Admin được cấp quyền thực hiện truy cập chức năng
<b>Mô tả</b>	Hệ thống cho phép admin xem danh sách cấu hình định mức đã tạo có sẵn trên hệ thống và thực hiện các chức năng CRUD
<b>Trigger</b>	Admin muốn xem danh sách cấu hình định mức tồn kho
<b>Điều kiện tiên quyết (Pre – conditions)</b>	AD đã được hệ thống nhận diện và ủy quyền sử dụng hệ thống
<b>Dòng sự kiện chính (Main Flow)</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>AD chọn chức năng từ cây menu theo đường dẫn Cấu hình &gt; Quản lý kho vật lý &gt; Cấu hình lưu trữ vật lý &gt; Cấu hình định mức lưu trữ tồn kho Hệ thống hiển thị màn hình danh sách cấu hình định mức lưu trữ tồn kho và tìm kiếm</li> <li>AD thực hiện tìm kiếm cấu hình định mức lưu trữ tồn kho <ol style="list-style-type: none"> <li>AD nhập thông tin về tên hoặc mã kho</li> <li>Hệ thống sẽ hiển thị kết quả tìm kiếm theo tiêu chí tìm kiếm bên trên</li> </ol> </li> </ol>

	Kết thúc usecase.
<b>Dòng sự kiện thay thế (Alternative Flows)</b>	N/a
<b>Dòng sự kiện ngoại lệ(Extension Flow)</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Nếu trong quá trình thực hiện hệ thống bị dừng bất ngờ: <ol style="list-style-type: none"> <li>Nhân viên hoặc quản lý khởi động lại hệ thống.</li> <li>Hệ thống hủy bỏ các thao tác trước đó và trở về trạng thái hoạt động bình thường</li> </ol> </li> <li>Nếu các tiêu chí tìm kiếm không có kết quả: <ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống sẽ trả về bảng rỗng</li> <li>Hệ thống thông báo : “Không tìm thấy kết quả”</li> </ol> </li> </ol>
<b>Điều kiện hoàn thành (Post – conditions)</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống hiển thị màn hình cấu hình định mức lưu trữ tồn kho</li> <li>Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm</li> </ol>
<b>Business Rules</b>	N/a

Kho

Chi nhánh Hà Nội

Thêm mới

Trang chủ

Lệnh sản xuất

Kế hoạch sản xuất

Cấu hình định mức NVL

Quy trình sản xuất

Cập nhật

Phê duyệt

Quản lý khai báo

Cấu hình

Chi nhánh Hà Nội

Cấu hình định mức tồn kho

Tên kho

Tìm kiếm theo tên kho

Kho

Tất cả

Reset

Tìm kiếm

Thêm mới

STT	Mã kho	Tên kho	Cấu hình ô kho
1	KHOTP001	Kho thành phẩm 1	10/15
2	KHOTP002	Kho thành phẩm 2	10/15
3	KHOTP003	Kho thành phẩm 3	10/15
4	KHONCC001	Kho nhà cung cấp 1	10/15
5	KHONCC002	Kho nhà cung cấp 2	10/15

AD chọn chức năng từ cây menu theo đường dẫn Cầu hình > Quản lý kho vật lý > Cầu hình lưu trữ vật lý > Cầu hình định mức lưu trữ tồn kho  
=> Hệ thống hiển thị giao diện danh sách hiển thị có phân trang được sắp xếp thứ tự theo thứ tự bản ghi mới nhất được đẩy lên đầu.

ST T	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
<i>Tìm kiếm</i>						

ST T	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
1	Tìm kiếm	Textbox				<ul style="list-style-type: none"> <li>Cho phép nhập tìm kiếm tương đối theo tên, mã kho</li> </ul>
<b>Button</b>						
1	Thêm mới	Button				<ul style="list-style-type: none"> <li>Cho phép chuyển đến màn hình chức năng thêm mới cấu hình định mức lưu trữ tồn kho</li> </ul>
<b>Danh sách</b>						
1	STT	Read only				<ul style="list-style-type: none"> <li>Hiển thị số thứ tự của bản ghi bắt đầu từ 01, tăng dần 1 đơn vị</li> </ul>
2	Mã kho	Read only				<ul style="list-style-type: none"> <li>Hiển thị mã kho cấu hình định mức lưu trữ tồn kho</li> </ul>
3	Tên kho	Read only				<ul style="list-style-type: none"> <li>Hiển thị tên kho cấu hình định mức lưu trữ tồn kho</li> </ul>
4	Cấu hình ô kho	Read only				<ul style="list-style-type: none"> <li>Hiển thị số lượng ô kho đã cấu hình thực tế/ tổng ô kho của kho</li> <li>Trường hợp kho k quản lý theo ô kho thì mặc định coi số lượng ô kho của kho đó = 1</li> </ul>



d. Checklist chức năng

STT	Checklist	Mô tả	
1	Menu	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Là menu cấp 4</li> <li>• Tên menu là 'Cấu hình định mức lưu trữ tồn kho '</li> <li>• Chi tiết sắp xếp cây menu xem tại : <a href="#">Cây menu WH</a></li> </ul>
2	Tìm kiếm	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tìm kiếm cơ bản</li> </ul>
3	Đa ngôn ngữ	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Không</li> </ul>
4	Mã Lỗi	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Có</li> </ul>
5	Notify	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Có</li> </ul>
6	Lịch sử chỉnh sửa	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Không</li> </ul>
7	Import/Export	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Không</li> </ul>
8	Shortcut Thêm mới	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Không</li> </ul>
9	Feature và phân quyền	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Có</li> </ul>
10	I18N	<input type="checkbox"/>	

e. Chức năng ảnh hưởng

Tên chức năng bị ảnh hưởng	Mô tả chi tiết ảnh hưởng
N/A	N/A

### 3.1.2. Chi tiết cấu hình định mức kho

#### f. Mô tả nghiệp vụ

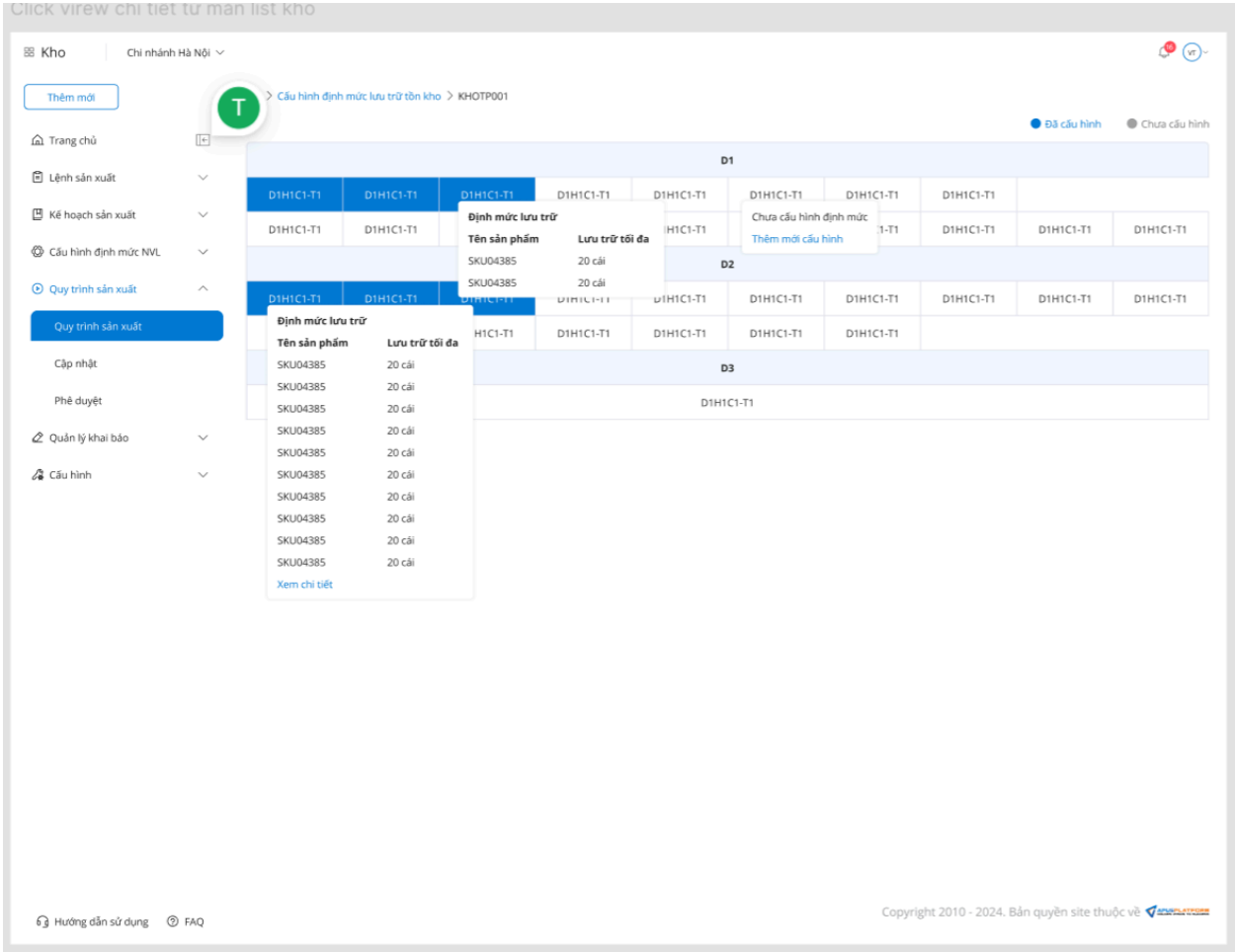
<b>Chức năng</b>	Chi tiết cấu hình định mức lưu trữ tồn kho
<b>Đối tượng ảnh hưởng</b>	Nhân viên kho
<b>Kênh áp dụng</b>	Web
<b>Hiện trạng</b>	Màn mới
<b>Thay đổi</b>	
<b>Đường dẫn chức năng</b>	Cấu hình > Quản lý kho vật lý > Cấu hình lưu trữ vật lý > Cấu hình định mức lưu trữ tồn kho > Click bản ghi tại màn list

<b>Actor chính</b>	Admin được cấp quyền thực hiện truy cập chức năng
<b>Mô tả</b>	Hệ thống cho phép admin chi tiết cấu hình định mức đã tạo có sẵn trên hệ thống và thực hiện các chức năng CRUD
<b>Trigger</b>	Admin muốn xem chi tiết cấu hình định mức tồn kho
<b>Điều kiện tiên quyết (Pre – conditions)</b>	AD đã được hệ thống nhận diện và ủy quyền sử dụng hệ thống
<b>Dòng sự kiện chính (Main Flow)</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>AD chọn chức năng từ cây menu theo đường dẫn Cấu hình &gt; Quản lý kho vật lý &gt; Cấu hình lưu trữ vật lý &gt; Cấu hình định mức lưu trữ tồn kho &gt; Click bản ghi tại màn list</li><li>Hệ thống hiển thị màn hình chi tiết cấu hình định mức lưu trữ tồn kho</li><li>AD thực hiện xem chi tiết cấu hình định mức lưu trữ từng</li></ol>

	<p>ô kho</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>4. AD hover vào ô kho hiển thị thông tin cấu hình ô kho</li> <li>5. Hệ thống sẽ hiển thị thông tin cấu hình ô kho hover vào             <ol style="list-style-type: none"> <li>5.1 Trường hợp hover vào ô kho đã cấu hình hiển thị tối đa 10 sku được cấu hình theo thứ tự từ màn cấu hình định mức của ô kho đó</li> <li>5.2 Trường hợp hover vào ô kho chưa cấu hình hiển thị nội dung hover “Chưa cấu hình định mức”</li> </ol> </li> <li>6. AD thực hiện xem thông tin hover             <ol style="list-style-type: none"> <li>6.1 AD click textlink xem chi tiết tại popup hover trường hợp hover vào ô kho đã được cấu hình Hệ thống điều hướng sang màn view chi tiết cấu hình định mức của ô kho đó</li> <li>6.2 AD click textlink thêm mới cấu hình tại popup hover trường hợp hover vào ô kho chưa cấu hình cấu hình Hệ thống điều hướng sang màn thêm mới cấu hình định mức của ô kho đó</li> </ol> </li> <li>7. Kết thúc usecase.</li> </ol>
<b>Dòng sự kiện thay thế (Alternative Flows)</b>	N/a
<b>Dòng sự kiện ngoại lệ(Extension Flow)</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nếu trong quá trình thực hiện hệ thống bị dừng bất ngờ:             <ol style="list-style-type: none"> <li>c. Nhân viên hoặc quản lý khởi động lại hệ thống.</li> <li>d. Hệ thống hủy bỏ các thao tác trước đó và trở về trạng thái hoạt động bình thường</li> </ol> </li> <li>2. Nếu các tiêu chí tìm kiếm không có kết quả:             <ol style="list-style-type: none"> <li>e. Hệ thống sẽ trả về bảng rỗng</li> <li>f. Hệ thống thông báo : “Không tìm thấy kết quả”</li> </ol> </li> </ol>
<b>Điều kiện hoàn thành (Post –</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>3. Hệ thống hiển thị màn hình chi tiết cấu hình định mức lưu trữ tồn kho</li> </ol>

conditions)	
Business Rules	N/a

g. Giao diện



Link figma : [Manufactory Warehouse – Figma](#) (update lại figma)

AD chọn chức năng từ cây menu theo đường dẫn Cấu hình > Quản lý kho vật lý > Cấu hình lưu trữ vật lý > Cấu hình định mức lưu trữ tồn kho > Click bản ghi tại màn list  
=> Hệ thống hiển thị giao diện chi tiết cấu hình định mức tồn kho theo dạng sơ đồ ô kho như hình

ST T	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
<b>Danh sách</b>						
	Đã cấu hình / Chưa cấu hình	Read only				<ul style="list-style-type: none"> <li>Là trạng thái của ô kho đã được cấu hình định mức lưu trữ hay chưa</li> <li>Mặc định fix cứng gồm 2 trạng thái : Đã cấu hình, Chưa cấu hình</li> </ul>
1	Vị trí kho ( Dây)	Read only				<ul style="list-style-type: none"> <li>Hiển thị dãy kho đã khai báo ở màn quản lý vị trí kho</li> </ul>
2	Ô Kho	Read only				<ul style="list-style-type: none"> <li>Hiển thị tất cả ô kho đã khai báo ở màn quản lý vị trí kho, mặc định trạng thái đầu tiên của ô kho là chưa cấu hình</li> <li>Hover vào ô kho hiển thị thông tin popup theo trạng thái cấu hình của ô kho : <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đã cấu hình : Hover hiển thị thông tin sản phẩm, khả năng lưu trữ của ô kho đó. Hiển thị tối đa 10 sản phẩm. Trường hợp muốn xem chi tiết thông</li> </ul> </li> </ul>

ST T	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
						<p>tin cấu hình của ô kho, click vào textlink xem chi tiết tại popup =&gt; hệ thống điều hướng sang màn chi tiết cấu hình định mức của ô kho.</p> <p>Link figma : <a href="#">Manufactory Warehouse – Figma</a></p> <p>+ Chưa cấu hình : Hover hiển thị tooltip ‘Chưa cấu hình định mức’ + textlink Thêm cấu hình. Click textlink =&gt; điều hướng sang màn cấu hình định mức lưu trữ tồn kho cho đúng ô kho vừa chọn</p> <p>Mô tả màn thêm mới định mức cho ô kho : <a href="#">3.2.3. Thêm mới cấu hình định mức kho</a></p>

ST T	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
						Link figma : <a href="#">Manufactory Warehouse – Figma</a>

h. Checklist chức năng

STT	Checklist	Mô tả	
1	Menu	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li><a href="#">Cây menu WH</a></li> </ul>
2	Tìm kiếm	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tìm kiếm cơ bản</li> </ul>
3	Đa ngôn ngữ	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không</li> </ul>
4	Mã Lỗi	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có</li> </ul>
5	Notify	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có</li> </ul>
6	Lịch sử chỉnh sửa	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không</li> </ul>
7	Import/Export	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không</li> </ul>
8	Shortcut Thêm mới	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không</li> </ul>
9	Feature và phân quyền	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có</li> </ul>

STT	Checklist	Mô tả	
10	I18N	<input type="checkbox"/>	

i. Chức năng ảnh hưởng

Tên chức năng bị ảnh hưởng	Mô tả chi tiết ảnh hưởng
N/A	N/A

### 3.1.3. Thêm mới cấu hình định mức kho

j. Mô tả nghiệp vụ

<b>Chức năng</b>	Thêm mới cấu hình định mức lưu trữ tồn kho
<b>Đối tượng ảnh hưởng</b>	Nhân viên kho
<b>Kênh áp dụng</b>	Web
<b>Hiện trạng</b>	Màn mới
<b>Thay đổi</b>	
<b>Đường dẫn chức năng</b>	Cấu hình > Quản lý kho vật lý > Cấu hình lưu trữ vật lý > Cấu hình định mức lưu trữ tồn kho > Click button thêm mới

<b>Actor chính</b>	Admin được cấp quyền thực hiện truy cập chức năng
--------------------	---



<b>Mô tả</b>	Hệ thống cho phép admin truy cập vào menu cấu hình định mức đã tạo có sẵn trên hệ thống và thực hiện các chức năng CRUD
<b>Trigger</b>	Admin muốn thêm mới cấu hình định mức tồn kho
<b>Điều kiện tiên quyết (Pre – conditions)</b>	AD đã được hệ thống nhận diện và ủy quyền sử dụng hệ thống
<b>Dòng sự kiện chính (Main Flow)</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. AD chọn chức năng từ cây menu theo đường dẫn Cấu hình &gt; Quản lý kho vật lý &gt; Cấu hình lưu trữ vật lý &gt; Cấu hình định mức lưu trữ tồn kho &gt; Click button thêm mới</li> <li>2. Hệ thống hiển thị màn hình thêm mới cấu hình định mức lưu trữ tồn kho</li> <li>3. AD thực hiện nhập thông tin cấu hình định mức lưu trữ từng ô kho <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Nhập thông tin phiếu bao gồm : Vị trí kho, Danh mục sản phẩm, SKU, Lưu trữ tối đa, Không gian lưu trữ,..</li> <li>b. Hệ thống check thông tin ở tầng giao diện các thông tin bắt buộc nhập. <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nếu thông tin bắt buộc chưa nhập chính xác =&gt; Hiển thị message “Đây là thông tin bắt buộc” và quay lại bước 3</li> <li>+ Nếu thông tin bắt buộc hợp lệ =&gt; Sang bước 5.1</li> </ul> </li> </ol> </li> <li>4. Click button “Thêm mới” để xác nhận thêm mới phiếu</li> <li>5. Hệ thống kiểm tra ở tầng server : check thông tin bắt buộc (một lần nữa), check thông tin trùng.</li> </ol> <p>Server lưu lại các thông tin và trả về :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các câu lệnh do người dùng tạo theo thứ tự từ trên xuống dưới</li> <li>- Các điều kiện tham số cho từng câu lệnh</li> <li>- DB truy xuất dữ liệu user tác động</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian tác động (thời gian tác động được lưu theo định dạng dd/mm/yyyy hh:pp:ss)</li> </ul> <p>Tiếp nhận kết quả và xử lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu lưu thông tin phiếu thành công → Hiển thị message " Thêm mới cấu hình thành công" và sang bước 7.1: chuyển hướng ra màn hình hiển thị danh sách phiếu nhập kho.</li> <li>- Nếu lưu thông tin lỗi thất bại → Hiển thị message " [Tên trường] không được phép trùng", quay trở lại bước 3 và giữ nguyên thông tin người dùng đã nhập trước đó.</li> </ul> <p>Kết thúc usecase.</p>
<b>Dòng sự kiện thay thế (Alternative Flows)</b>	N/a
<b>Dòng sự kiện ngoại lệ(Extension Flow)</b>	<p>3. Nếu trong quá trình thực hiện hệ thống bị dừng bất ngờ:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nhân viên hoặc quản lý khởi động lại hệ thống.</li> <li>Hệ thống hủy bỏ các thao tác trước đó và trở về trạng thái hoạt động bình thường</li> </ol> <p>4. Nếu các tiêu chí tìm kiếm không có kết quả:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống sẽ trả về bảng rỗng</li> <li>Hệ thống thông báo : “Không tìm thấy kết quả”</li> </ol>
<b>Điều kiện hoàn thành (Post – conditions)</b>	<p>4. Hệ thống hiển thị màn hình chi tiết cấu hình định mức lưu trữ tồn kho</p>
<b>Business Rules</b>	N/a

## k. Giao diện

Cấu hình định mức sản phẩm cho ô kho - click thêm mới từ màn list

Thêm mới

Trang chủ

Lệnh sản xuất

Kế hoạch sản xuất

Cấu hình định mức NVL

Quy trình sản xuất

Quản lý khai báo

Nhân viên

Công đoạn

Khu vực sản xuất

Cấu hình

Chỉ tiết

Kho KHOTP001

Vị trí kho D1H1C1-T1

Cấu hình theo chi tiết đến vị trí nhỏ nhất (ô kho)

Cấu hình định mức lưu trữ

Tỷ lệ không gian được phép lưu trữ tối đa của mã hàng / vị trí kho

STT	Danh mục sản phẩm	SKU	Tên sản phẩm	Lưu trữ tối đa	Không gian lưu trữ tối đa
1	Danh mục gạch 40x80	Gach40x80	Gạch 40x80 1mm - Men bóng	60.000	Hộp 20 %
2	Danh mục gạch 40x80	Gach40x80	Gạch 40x80 2mm - Men bóng	60.000	Hộp 60 %
3	Danh mục gạch 40x80	Gach40x80	Gạch 60x60 1mm - Men bóng	60.000	Hộp 19 %

Thêm sản phẩm

Vị trí kho D1H1C1-T1

Cấu hình theo chi tiết đến vị trí nhỏ nhất (ô kho)

Cấu hình định mức lưu trữ

Tỷ lệ không gian được phép lưu trữ tối đa của mã hàng / vị trí kho

STT	Danh mục sản phẩm	SKU	Tên sản phẩm	Lưu trữ tối đa	Không gian lưu trữ tối đa
1	Danh mục gạch 40x80	Gach40x80	Gạch 40x80 1mm - Men bóng	60.000	Hộp 20 %
2	Danh mục gạch 40x80	Gach40x80	Gạch 40x80 2mm - Men bóng	60.000	Hộp 60 %
3	Danh mục gạch 40x80	Gach40x80	Gạch 60x60 1mm - Men bóng	60.000	Hộp 19 %

Thêm sản phẩm

Hủy

Thêm mới

Hướng dẫn sử dụng

FAQ

Copyright 2010 - 2024. Bản quyền site thuộc về

Link figma : [Manufactory Warehouse – Figma](#)

AD chọn chức năng từ cây menu theo đường dẫn Cấu hình > Quản lý kho vật lý > Cấu hình lưu trữ vật lý > Cấu hình định mức lưu trữ tồn kho > Click button thêm mới  
=> Hệ thống hiển thị giao diện thêm mới cấu hình định mức tồn kho theo dạng sơ đồ ô kho như hình

ST T	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
<b>Danh sách</b>						
	Kho	<a href="#">Single choice dropdown list</a>				<ul style="list-style-type: none"> <li>Droplist hiển thị danh sách kho đang hoạt động trong hệ thống</li> </ul>
1	Vị trí kho (Ô kho)	<a href="#">Single choice dropdown list</a>				<ul style="list-style-type: none"> <li>Hiển thị tất cả các vị trí theo cấp nhỏ nhất (ô kho)</li> </ul>
<b>Cấu hình định mức lưu trữ</b>						
2	Danh mục sản phẩm	<a href="#">Single choice dropdown list</a>				Droplist danh sách tất cả danh mục sản phẩm có type sản phẩm bán hàng (Kho product)
	SKU	<a href="#">Single choice dropdown list</a>				Droplist danh sách tất cả sản phẩm có type sản phẩm bán hàng (Kho product)
	Tên sản phẩm	<a href="#">Single line of text</a>				Hiển thị tên sản phẩm sau khi chọn SKU
	Lưu trữ tối đa	<a href="#">Single line of text</a>				<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhập số lượng sản phẩm được phép lưu trữ tối đa tại vị trí</li> <li>Tối đa 20 ký tự (cả dấu phân cách) số nguyên</li> </ul>



STT	Checklist	Mô tả	
2	Tìm kiếm	<input checked="" type="checkbox"/>	• Tìm kiếm cơ bản
3	Đa ngôn ngữ	<input type="checkbox"/>	• Không
4	Mã Lỗi	<input checked="" type="checkbox"/>	• Có
5	Notify	<input checked="" type="checkbox"/>	• Có
6	Lịch sử chỉnh sửa	<input type="checkbox"/>	• Không
7	Import/Export	<input type="checkbox"/>	• Không
8	Shortcut Thêm mới	<input type="checkbox"/>	• Không
9	Feature và phân quyền	<input checked="" type="checkbox"/>	• Có
10	I18N	<input type="checkbox"/>	

m. Chức năng ảnh hưởng

Tên chức năng bị ảnh hưởng	Mô tả chi tiết ảnh hưởng
N/A	N/A

### 3.2 Cấu hình màu cảnh báo lưu trữ tồn kho vật lý

n. Mô tả nghiệp vụ

<b>Chức năng</b>	Cấu hình màu cảnh báo lưu trữ tồn kho vật lý
<b>Đối tượng ảnh hưởng</b>	Nhân viên kho
<b>Kênh áp dụng</b>	Web
<b>Hiện trạng</b>	Thêm mới
<b>Thay đổi</b>	
<b>Đường dẫn chức năng</b>	Cấu hình > Quản lý kho vật lý > Cấu hình lưu trữ vật lý > Cấu hình màu cảnh báo tình trạng tồn kho

<b>Actor chính</b>	Admin được cấp quyền thực hiện truy cập chức năng
<b>Mô tả</b>	Hệ thống cho phép admin chi tiết cấu hình định mức đã tạo có sẵn trên hệ thống và thực hiện các chức năng CRUD
<b>Trigger</b>	Admin muốn cấu hình màu cảnh báo lưu trữ tồn kho vật lý
<b>Điều kiện tiên quyết (Pre – conditions)</b>	AD đã được hệ thống nhận diện và ủy quyền sử dụng hệ thống
<b>Dòng sự kiện chính (Main Flow)</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>3. AD chọn chức năng từ cây menu theo đường dẫn Cấu hình &gt; Quản lý kho vật lý &gt; Cấu hình lưu trữ vật lý &gt; Cấu hình màu cảnh báo lưu trữ tồn kho vật lý Hệ thống hiển thị màn hình update cấu hình màu cảnh báo lưu trữ tồn kho vật lý</li> <li>4. AD thực hiện ấu hình màu cảnh báo lưu trữ tồn kho vật lý <ol style="list-style-type: none"> <li>c. AD nhập thông tin cấu hình</li> <li>d. AD click button Cấu hình (lần đầu cấu hình) hoặc button Lưu thay đổi (lần 1 + n)</li> </ol> </li> </ol>

	<p>e. Hệ thống kiểm tra ở tầng server : check thông tin bắt buộc (một lần nữa), check thông tin trùng.</p> <p>Server lưu lại các thông tin và trả về :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các câu lệnh do người dùng tạo theo thứ tự từ trên xuống dưới</li> <li>- Các điều kiện tham số cho từng câu lệnh</li> <li>- DB truy xuất dữ liệu user tác động</li> <li>- Thời gian tác động (thời gian tác động được lưu theo định dạng dd/mm/yyyy hh:pp:ss)</li> </ul> <p>Tiếp nhận kết quả và xử lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu lưu thông tin phiếu thành công → Hiển thị message " Thành công" và sang bước 7.1: đứng tại màn hình cập nhật</li> <li>- Nếu lưu thông tin lỗi thất bại → Hiển thị message " [Tên trường] không được phép trùng", quay trở lại bước 3 và giữ nguyên thông tin người dùng đã nhập trước đó.</li> </ul> <p>Kết thúc usecase.</p>
<b>Dòng sự kiện thay thế (Alternative Flows)</b>	N/a



<b>Dòng sự kiện ngoại lệ(Extension Flow)</b>	<p>5. Nếu trong quá trình thực hiện hệ thống bị dừng bất ngờ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Nhân viên hoặc quản lý khởi động lại hệ thống.</li> <li>b. Hệ thống hủy bỏ các thao tác trước đó và trở về trạng thái hoạt động bình thường</li> </ul> <p>6. Nếu các tiêu chí tìm kiếm không có kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Hệ thống sẽ trả về bảng rỗng</li> <li>b. Hệ thống thông báo : “Không tìm thấy kết quả”</li> </ul>
<b>Điều kiện hoàn thành (Post – conditions)</b>	<p>5. Hệ thống hiển thị màn hình cấu hình định mức lưu trữ tồn kho</p> <p>6. Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm</p>
<b>Business Rules</b>	N/a

o. Giao diện

Cấu hình màu cảnh báo tình trạng tồn kho

Đối tác Chi nhánh Hà Nội

Thêm mới

Trang chủ

Lệnh sản xuất

Kế hoạch sản xuất

Cấu hình định mức NVL

Quy trình sản xuất

Quản lý khai báo

Nhân viên

Công đoạn

Khu vực sản xuất

Cấu hình

Cấu hình màu cảnh báo lưu trữ tồn kho vật lý

Chi tiết

Cấu hình màu cảnh báo lưu trữ tồn kho vật lý

STT	Từ	Đến	Màu cảnh báo
1			<input checked="" type="checkbox"/> Màu mặc định <span>?</span> <small>Màu mặc định nếu giá trị không nằm trong khoảng cấu hình</small>
2	0	% 10	% <input type="checkbox"/> Lựa chọn màu <span>✖</span>
3	21	% 30	% <input type="checkbox"/> Lựa chọn màu <span>✖</span>
5	31	% 40	% <input type="checkbox"/> Lựa chọn màu <span>✖</span>
6	41	% 50	% <input type="checkbox"/> Lựa chọn màu <span>✖</span>
7	51	% 60	% <input type="checkbox"/> Lựa chọn màu <span>✖</span>
8	61	% 70	% <input type="checkbox"/> Lựa chọn màu <span>✖</span>
9	71	% 80	% <input type="checkbox"/> Lựa chọn màu <span>✖</span>
10	81	% 90	% <input type="checkbox"/> Lựa chọn màu <span>✖</span>
11	91	% 100	% <input type="checkbox"/> Lựa chọn màu <span>✖</span>

Thêm màu cảnh báo

Hủy Cấu hình

Link figma : [Manufactory Warehouse – Figma](#)

AD chọn chức năng từ cây menu theo đường dẫn Cấu hình > Quản lý kho vật lý > Cấu hình lưu trữ vật lý > Cấu hình màu cảnh báo lưu trữ tồn kho vật lý  
=> Hệ thống hiển thị giao diện cập nhật cấu hình màu cảnh báo lưu trữ tồn kho vật lý

ST T	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
<b>Danh sách</b>						
1	STT	Read only				<ul style="list-style-type: none"><li>Hiện thị số thứ tự của bản ghi bắt đầu từ 01, tăng dần 1 đơn vị</li></ul>

ST T	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
						<ul style="list-style-type: none"> <li>Line 1 là màu mặc định dùng trong trường hợp nếu giá trị không nằm trong khoảng cấu hình, hệ thống tự động sinh khi khởi tạo hệ thống và không được phép xóa</li> </ul>
2	Từ	<a href="#">Search text input</a>				<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhập % tối thiểu của dải màu cấu hình</li> <li>Tối đa 20 ký tự (cả dấu phân cách) số nguyên dương, (tùy trường hợp có thể chấp nhận số 0 hoặc không chấp nhận)</li> </ul>
3	Đến					<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhập % tối đa của dải màu cấu hình</li> <li>Validate : Số nhập từ &lt; Số nhập đến</li> <li>Tối đa 20 ký tự (cả dấu phân cách) số nguyên dương, (tùy trường hợp có thể chấp nhận số 0 hoặc không chấp nhận)</li> </ul>
4	Màu cảnh báo	<a href="#">Button</a>				<ul style="list-style-type: none"> <li>Click vào ô màu để chọn màu áp dụng cho khoảng cấu hình màu từ - đến</li> </ul>

p. Checklist chức năng

STT	Checklist	Mô tả	
1	Menu	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Là menu cấp 4</li> <li>• Tên menu là 'Cấu hình màu cảnh báo lưu trữ tồn kho vật lý '</li> <li>• <a href="#">Cây menu WH</a></li> </ul>
2	Tìm kiếm	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tìm kiếm cơ bản</li> </ul>
3	Đa ngôn ngữ	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Không</li> </ul>
4	Mã Lỗi	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Có</li> </ul>
5	Notify	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Có</li> </ul>
6	Lịch sử chỉnh sửa	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Không</li> </ul>
7	Import/Export	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Không</li> </ul>
8	Shortcut Thêm mới	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Không</li> </ul>
9	Feature và phân quyền	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Có</li> </ul>
10	I18N	<input type="checkbox"/>	

q. Chức năng ảnh hưởng

Tên chức năng bị ảnh hưởng	Mô tả chi tiết ảnh hưởng
N/A	N/A

### 3.3 Cấu hình cảnh báo tồn kho

#### 3.3.1. Danh sách cấu hình cảnh báo tồn kho

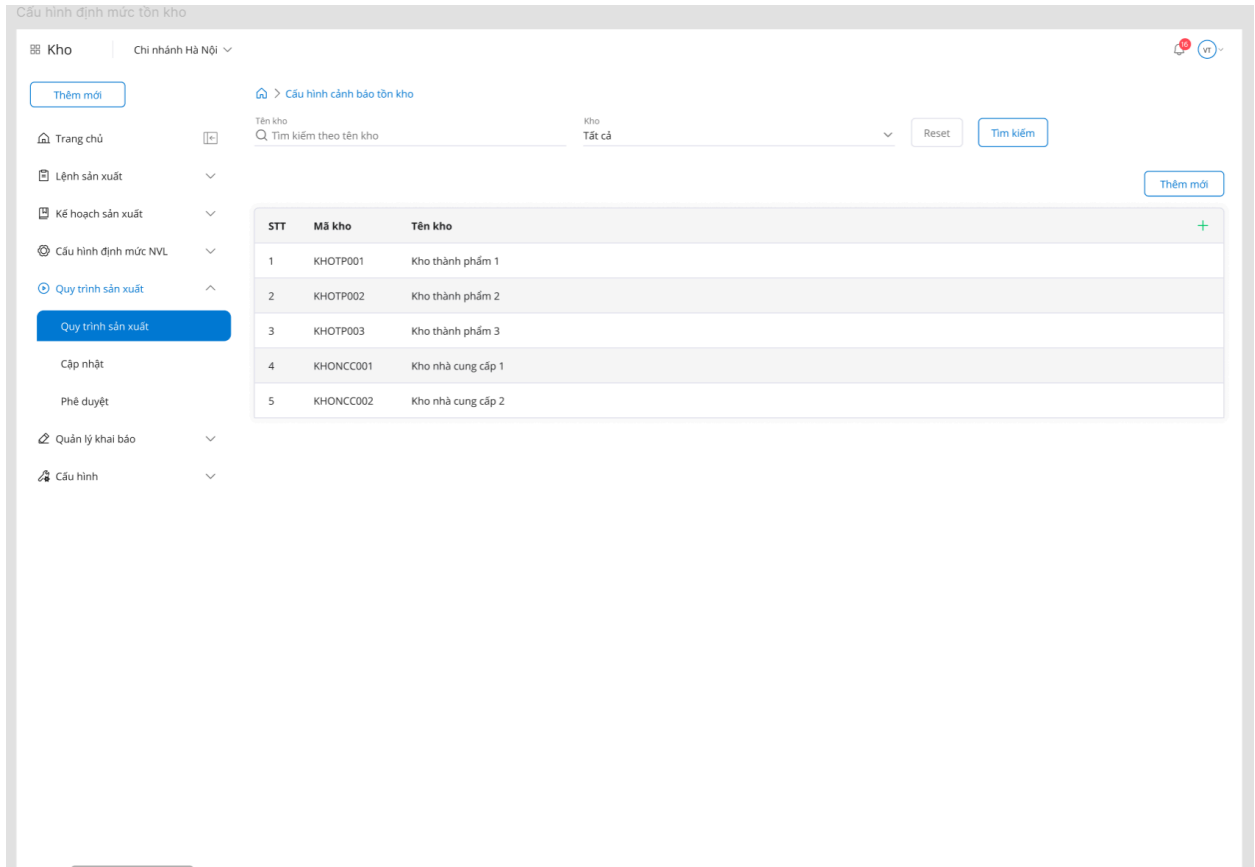
r. Mô tả nghiệp vụ

<b>Chức năng</b>	Cấu hình cảnh báo tồn kho
<b>Đối tượng ảnh hưởng</b>	Nhân viên kho
<b>Kênh áp dụng</b>	Web
<b>Hiện trạng</b>	Thêm mới
<b>Thay đổi</b>	
<b>Đường dẫn chức năng</b>	Cấu hình > Quản lý kho vật lý > Cấu hình lưu trữ vật lý > Cấu hình cảnh báo tồn kho

<b>Actor chính</b>	Admin được cấp quyền thực hiện truy cập chức năng
<b>Mô tả</b>	Hệ thống cho phép admin xem danh sách cấu hình cảnh báo tồn kho đã tạo có sẵn trên hệ thống và thực hiện các chức năng CRUD
<b>Trigger</b>	Admin muốn xem danh sách cấu hình cảnh báo tồn kho
<b>Điều kiện tiên quyết (Pre – conditions)</b>	AD đã được hệ thống nhận diện và ủy quyền sử dụng hệ thống
<b>Dòng sự kiện chính (Main Flow)</b>	5. AD chọn chức năng từ cây menu theo đường dẫn Cấu hình > Quản lý kho vật lý > Cấu hình lưu trữ vật lý > Cấu hình cảnh báo tồn kho Hệ thống hiển thị màn hình danh sách cấu hình cảnh báo tồn kho và tìm kiếm

	6. AD thực hiện tìm kiếm cấu hình cảnh báo tồn kho f. AD nhập thông tin về tên hoặc mã kho g. Hệ thống sẽ hiển thị kết quả tìm kiếm theo tiêu chí tìm kiếm bên trên
<b>Dòng sự kiện thay thế (Alternative Flows)</b>	N/a
<b>Dòng sự kiện ngoại lệ(Extension Flow)</b>	7. Nếu trong quá trình thực hiện hệ thống bị dừng bất ngờ: a. Nhân viên hoặc quản lý khởi động lại hệ thống. b. Hệ thống hủy bỏ các thao tác trước đó và trở về trạng thái hoạt động bình thường 8. Nếu các tiêu chí tìm kiếm không có kết quả: a. Hệ thống sẽ trả về bảng rỗng b. Hệ thống thông báo : “Không tìm thấy kết quả”
<b>Điều kiện hoàn thành (Post – conditions)</b>	7. Hệ thống hiển thị màn hình cấu hình định mức lưu trữ tồn kho 8. Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm
<b>Business Rules</b>	N/a

s. Giao diện



Link figma : [Manufactory Warehouse – Figma](#)

AD chọn chức năng từ cây menu theo đường dẫn Cấu hình > Quản lý kho vật lý > Cấu hình lưu trữ vật lý > Cấu hình cảnh báo tồn kho

=> Hệ thống hiển thị giao diện danh sách hiển thị có phân trang được sắp xếp thứ tự theo thứ tự bản ghi mới nhất được đẩy lên đầu.

ST T	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
<i><b>Tìm kiếm</b></i>						

ST T	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
1	Tìm kiếm	Textbox				<ul style="list-style-type: none"> <li>Cho phép nhập tìm kiếm tương đối theo tên, mã kho</li> </ul>
<b>Button</b>						
1	Thêm mới	Button				<ul style="list-style-type: none"> <li>Cho phép chuyển đến màn hình chức năng thêm mới cấu hình định mức lưu trữ tồn kho</li> </ul>
<b>Danh sách</b>						
1	STT	Read only				<ul style="list-style-type: none"> <li>Hiển thị số thứ tự của bản ghi bắt đầu từ 01, tăng dần 1 đơn vị</li> </ul>
2	Mã kho	Read only				<ul style="list-style-type: none"> <li>Hiển thị mã kho đã được cấu hình cảnh báo tồn kho</li> </ul>
3	Tên kho	Read only				<ul style="list-style-type: none"> <li>Hiển thị tên kho đã được cấu hình cảnh báo tồn kho</li> </ul>

t. Checklist chức năng

STT	Checklist	Mô tả	
1	Menu	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Là menu cấp 3</li> </ul>



STT	Checklist	Mô tả	
			<ul style="list-style-type: none"> <li>Tên menu là 'Cấu hình cảnh báo tồn kho '</li> <li><a href="#">Cây menu WH</a></li> </ul>
2	Tìm kiếm	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tìm kiếm cơ bản</li> </ul>
3	Đa ngôn ngữ	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không</li> </ul>
4	Mã Lỗi	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có</li> </ul>
5	Notify	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có</li> </ul>
6	Lịch sử chỉnh sửa	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không</li> </ul>
7	Import/Export	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không</li> </ul>
8	Shortcut Thêm mới	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không</li> </ul>
9	Feature và phân quyền	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có</li> </ul>
10	I18N	<input type="checkbox"/>	

u. Chức năng ảnh hưởng

Tên chức năng bị ảnh hưởng	Mô tả chi tiết ảnh hưởng
N/A	N/A

### 3.3.2. Chi tiết cấu hình cảnh báo tồn kho

#### v. Mô tả nghiệp vụ

<b>Chức năng</b>	Chi tiết <b>cấu hình cảnh báo tồn kho</b>
<b>Đối tượng ảnh hưởng</b>	Nhân viên kho
<b>Kênh áp dụng</b>	Web
<b>Hiện trạng</b>	Màn mới
<b>Thay đổi</b>	
<b>Đường dẫn chức năng</b>	Cấu hình > Quản lý kho vật lý > Cấu hình lưu trữ vật lý > cấu hình cảnh báo tồn kho > Click bản ghi tại màn list

<b>Actor chính</b>	Admin được cấp quyền thực hiện truy cập chức năng
<b>Mô tả</b>	Hệ thống cho phép admin chi tiết cấu hình cảnh báo đã tạo có sẵn trên hệ thống và thực hiện các chức năng CRUD
<b>Trigger</b>	Admin muốn xem chi tiết cấu hình cảnh báo tồn kho
<b>Điều kiện tiên quyết (Pre – conditions)</b>	AD đã được hệ thống nhận diện và ủy quyền sử dụng hệ thống
<b>Dòng sự kiện chính (Main Flow)</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>8. AD chọn chức năng từ cây menu theo đường dẫn Cấu hình &gt; Quản lý kho vật lý &gt; Cấu hình lưu trữ vật lý &gt; cấu hình cảnh báo tồn kho &gt; Click bản ghi tại màn list</li><li>9. Hệ thống hiển thị màn hình chi tiết danh sách sản phẩm cấu hình cảnh báo tồn kho và tìm kiếm</li><li>10. AD thực hiện xem chi tiết danh sách sản phẩm được cấu</li></ol>

	<p>hình định mức cảnh báo từng kho và tìm kiếm</p> <p>11. Hệ thống sẽ hiển thị thông tin tìm kiếm</p>
<b>Dòng sự kiện thay thế (Alternative Flows)</b>	N/a
<b>Dòng sự kiện ngoại lệ(Extension Flow)</b>	<p>2. Nếu trong quá trình thực hiện hệ thống bị dừng bất ngờ:</p> <p>c. Nhân viên hoặc quản lý khởi động lại hệ thống.</p> <p>d. Hệ thống hủy bỏ các thao tác trước đó và trở về trạng thái hoạt động bình thường</p> <p>2. Nếu các tiêu chí tìm kiếm không có kết quả:</p> <p>e. Hệ thống sẽ trả về bảng rỗng</p> <p>f. Hệ thống thông báo : “Không tìm thấy kết quả”</p>
<b>Điều kiện hoàn thành (Post – conditions)</b>	<p>9. Hệ thống hiển thị màn hình chi tiết cấu hình định mức lưu trữ tồn kho</p>
<b>Business Rules</b>	N/a

## w. Giao diện

Cấu hình cảnh báo tồn kho - từng kho

Kho Chi nhánh Hà Nội

Thêm mới

Trang chủ Lệnh sản xuất Kế hoạch sản xuất Cấu hình định mức NVL Quy trình sản xuất

Quy trình sản xuất

Cập nhật

Phê duyệt

Quản lý khai báo

Cấu hình

Tên kho: Q Tìm kiếm theo mã và tên

Danh mục sản phẩm: Tất cả

Vị trí (dãy): Tất cả

Reset Tìm kiếm

Thêm mới

STT	SKU	Tên sản phẩm	Danh mục sản phẩm	Lưu trữ tối thiểu	Lưu trữ tối đa	Cảnh báo
1	GACH40x80	Gạch 40x80 1mm	Danh mục 40x80	10 hộp	10.000 hộp	^

Chi tiết cảnh báo

STT	Lưu trữ tối thiểu	Lưu trữ tối đa	Thông báo	Nội dung cảnh báo
1	10 hộp	10.000 hộp	Không	Không có
2	10 tấn	10.000 tấn	Có	Cần thúc đẩy bán hàng

2 GACH40x80 Gạch 40x80 1mm Danh mục 40x80 10 hộp 10.000 hộp

Kho: KHOTP001

Thêm mới

Hướng dẫn sử dụng FAQ

Copyright 2010 - 2024. Bản quyền site thuộc về ANHOLAY.COM

Link figma :[Manufactory Warehouse – Figma](#)

AD chọn chức năng từ cây menu theo đường dẫn Cấu hình > Quản lý kho vật lý > Cấu hình lưu trữ vật lý > Cấu hình cảnh báo tồn kho > Click bản ghi tại màn list  
=> Hệ thống hiển thị giao diện chi tiết cấu hình cảnh báo tồn kho

STT	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
1	STT	Read only				<ul style="list-style-type: none"> <li>Hiển thị dãy kho đã khai báo ở màn quản lý vị trí kho</li> </ul>
2	SKU	Read only				Hiển thị mã sản phẩm có type sản phẩm bán hàng (Kho product) đã được cấu hình cảnh báo tồn
3	Tên sản phẩm					Hiển thị tên sản phẩm có type sản phẩm bán hàng (Kho product) đã được cấu hình cảnh báo tồn
4	Danh mục sản phẩm					Hiển thị tên danh mục sản phẩm có type sản phẩm bán hàng (Kho product) đã được cấu hình cảnh báo tồn
5	Mức cảnh báo tối thiểu					Hiển thị mức cảnh báo tối thiểu của sản phẩm được cấu hình
6	Mức cảnh báo tối đa					Hiển thị mức cảnh báo tối đacủa sản phẩm được cấu hình

STT	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
7	Cảnh báo					
7.1	Mức cảnh báo tối thiểu					Hiển thị chi tiết từng theo khoảng cảnh báo tối thiểu của sản phẩm được cấu hình chi tiết ở popup cấu hình cảnh báo (bước thêm mới)
7.2	Mức cảnh báo tối đa					Hiển thị chi tiết từng theo khoảng cảnh báo tối đacủa sản phẩm được cấu hình chi tiết ở popup cấu hình cảnh báo (bước thêm mới)
7.3	Gửi thông báo					<p>Hiển thị mặc ddinh1 trong 2 giá trị :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Có : Nếu cấu hình cảnh báo có tích checkbox gửi thông báo</li> <li>+ Không : Nếu cấu hình cảnh báo không tích checkbox gửi thông báo</li> </ul>
7.4	Nội dung cảnh báo					Hiển thị nội dung cảnh báo từ popup cấu hình cảnh báo

x. Checklist chức năng

STT	Checklist	Mô tả	
1	Menu	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li><a href="#">Cây menu WH</a></li> </ul>
2	Tìm kiếm	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tìm kiếm cơ bản</li> </ul>
3	Đa ngôn ngữ	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không</li> </ul>
4	Mã Lỗi	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có</li> </ul>
5	Notify	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có</li> </ul>
6	Lịch sử chỉnh sửa	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không</li> </ul>
7	Import/Export	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không</li> </ul>
8	Shortcut Thêm mới	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không</li> </ul>
9	Feature và phân quyền	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có</li> </ul>
10	I18N	<input type="checkbox"/>	

y. Chức năng ảnh hưởng

Tên chức năng bị ảnh hưởng	Mô tả chi tiết ảnh hưởng
N/A	N/A

### 3.3.3. Thêm mới cấu hình cảnh báo tồn kho

#### z. Mô tả nghiệp vụ

<b>Chức năng</b>	Thêm mới cấu hình cảnh báo tồn kho
<b>Đối tượng ảnh hưởng</b>	Nhân viên kho
<b>Kênh áp dụng</b>	Web
<b>Hiện trạng</b>	Màn mới
<b>Thay đổi</b>	
<b>Đường dẫn chức năng</b>	Cấu hình > Quản lý kho vật lý > Cấu hình cảnh báo tồn kho > Click button thêm mới

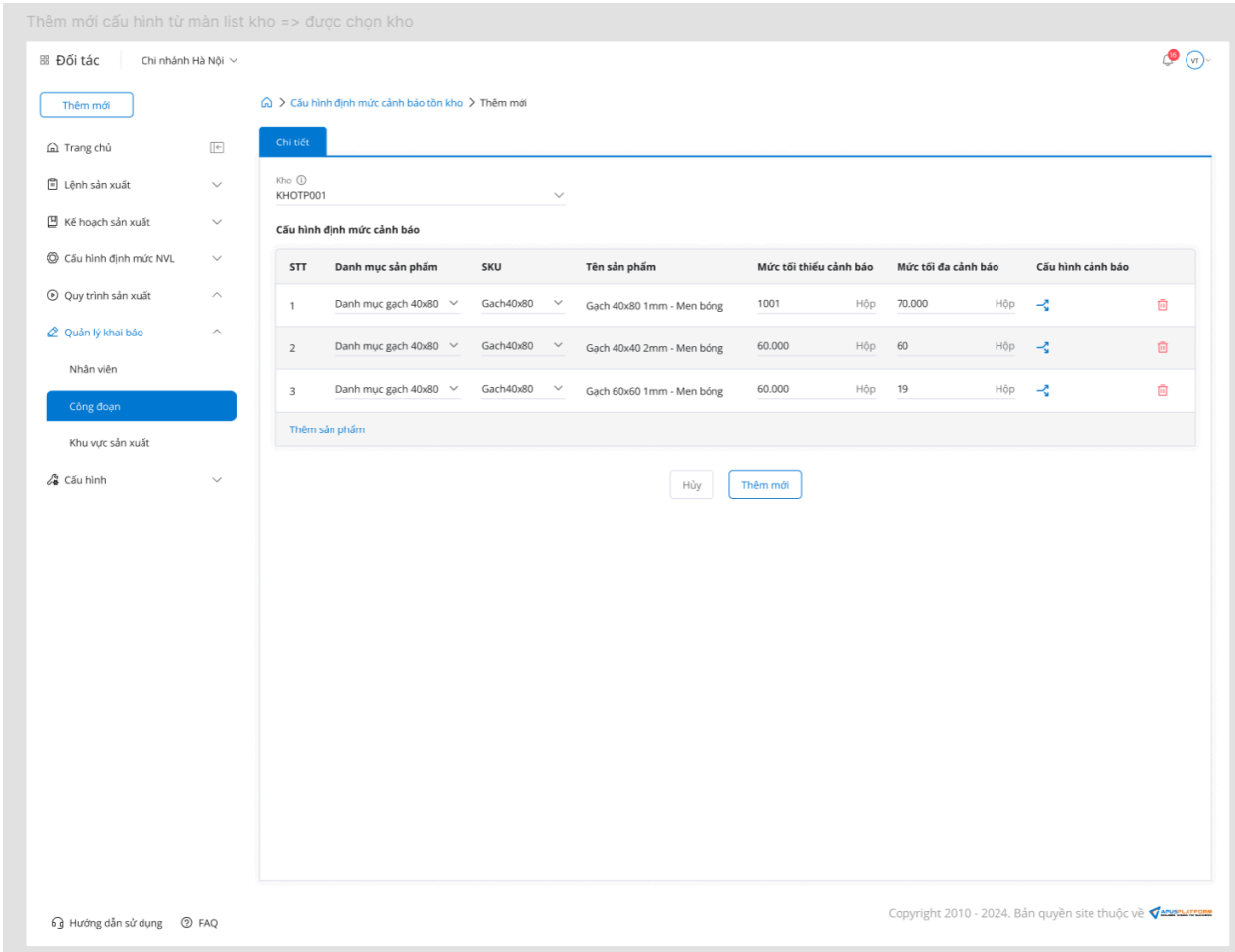
<b>Actor chính</b>	Admin được cấp quyền thực hiện truy cập chức năng
<b>Mô tả</b>	Hệ thống cho phép admin truy cập vào menu cấu hình định mức đã tạo có sẵn trên hệ thống và thực hiện các chức năng CRUD
<b>Trigger</b>	Admin muốn thêm mới cấu hình cảnh báo tồn kho
<b>Điều kiện tiên quyết (Pre – conditions)</b>	AD đã được hệ thống nhận diện và ủy quyền sử dụng hệ thống
<b>Dòng sự kiện chính (Main Flow)</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>AD chọn chức năng từ cây menu theo đường dẫn Cấu hình &gt; Quản lý kho vật lý &gt; Cấu hình cảnh báo tồn kho &gt; Click button thêm mới</li><li>Hệ thống hiển thị màn hình thêm mới cấu hình cảnh báo tồn kho</li><li>AD thực hiện nhập thông tin cấu hình cảnh báo chi tiết cho 1 kho</li></ol>



	<p>a. Nhập thông tin phiếu bao gồm : Danh mục sản phẩm, SKU, Mức cảnh báo tối thiểu, mức cảnh báo tối đa</p> <p>b. Hệ thống check thông tin ở tầng giao diện các thông tin bắt buộc nhập.</p> <p>+ Nếu thông tin bắt buộc chưa nhập chính xác =&gt; Hiển thị message “Đây là thông tin bắt buộc” và quay lại bước 3</p> <p>+ Nếu thông tin bắt buộc hợp lệ =&gt; Sang bước 5.1</p> <p>4. Click button “Thêm mới” để xác nhận thêm mới phiếu</p> <p>5. Hệ thống kiểm tra ở tầng server : check thông tin bắt buộc (một lần nữa), check thông tin trùng.</p> <p>Server lưu lại các thông tin và trả về :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các câu lệnh do người dùng tạo theo thứ tự từ trên xuống dưới</li> <li>- Các điều kiện tham số cho từng câu lệnh</li> <li>- DB truy xuất dữ liệu user tác động</li> <li>- Thời gian tác động (thời gian tác động được lưu theo định dạng dd/mm/yyyy hh:pp:ss)</li> </ul> <p>Tiếp nhận kết quả và xử lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu lưu thông tin phiếu thành công → Hiển thị message " Thêm mới cấu hình thành công" và sang bước 7.1: chuyển hướng ra màn hình hiển thị danh sách phiếu nhập kho.</li> <li>- Nếu lưu thông tin lỗi thất bại → Hiển thị message " [Tên trường] không được phép trùng", quay trở lại bước 3 và giữ nguyên thông tin người dùng đã nhập trước đó.</li> </ul> <p>Kết thúc usecase.</p>
<p><b>Dòng sự kiện thay thế (Alternative Flows)</b></p>	<p>N/a</p>

<b>Dòng sự kiện ngoại lệ(Extension Flow)</b>	<p>9. Nếu trong quá trình thực hiện hệ thống bị dừng bất ngờ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Nhân viên hoặc quản lý khởi động lại hệ thống.</li> <li>b. Hệ thống hủy bỏ các thao tác trước đó và trở về trạng thái hoạt động bình thường</li> </ul> <p>10. Nếu các tiêu chí tìm kiếm không có kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Hệ thống sẽ trả về bảng rỗng</li> <li>b. Hệ thống thông báo : “Không tìm thấy kết quả”</li> </ul>
<b>Điều kiện hoàn thành (Post – conditions)</b>	10. Hệ thống hiển thị màn hình chi tiết cấu hình định mức lưu trữ tồn kho
<b>Business Rules</b>	N/a

aa. Giao diện



Link figma : [Manufactory Warehouse – Figma](#)

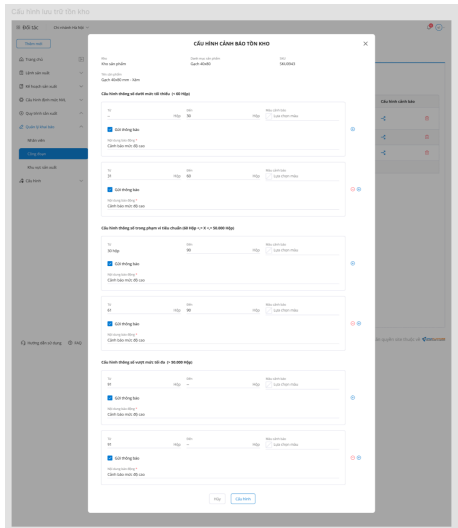
AD chọn chức năng từ cây menu theo đường dẫn Cấu hình > Quản lý kho vật lý > Cấu hình cảnh báo tồn kho > Click button thêm mới

=> Hệ thống hiển thị giao diện thêm mới cấu hình cảnh báo tồn kho

ST T	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
	Kho	<a href="#">Single choice dropdown list</a>				<ul style="list-style-type: none"><li>• Droplist danh sách kho bán hàng cần cấu hình cảnh báo</li></ul>

ST T	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
						<ul style="list-style-type: none"> <li>Lấy tất cả các kho đang hoạt động và chưa cấu hình cảnh báo</li> </ul>
<b>Cấu hình định mức cảnh báo</b>						
2	Danh mục sản phẩm	<a href="#">Single choice dropdown list</a>				Droplist danh sách tất cả danh mục sản phẩm có type sản phẩm bán hàng (Kho product)
	SKU	<a href="#">Single choice dropdown list</a>				Droplist danh sách tất cả sản phẩm có type sản phẩm bán hàng (Kho product)
	Tên sản phẩm	<a href="#">Single line of text</a>				Hiển thị tên sản phẩm sau khi chọn SKU
	Mức tối thiểu cảnh báo	<a href="#">Single line of text</a>				<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhập số lượng sản phẩm được phép lưu trữ tối thiểu trong khoảng cảnh báo</li> <li>Tối đa 20 ký tự (cả dấu phân cách) số nguyên dương, (tùy trường hợp có thể chấp nhận số 0 hoặc không chấp nhận)</li> </ul>

ST T	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
	Mức tối đa cảnh báo	<a href="#">Search text input</a>				<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhập số lượng sản phẩm được phép lưu trữ tối đa trong khoảng cảnh báo</li> <li>• Validate Số lượng mức tối thiểu cảnh báo &lt; Số lượng mức tối đa cảnh báo</li> <li>• Tối đa 20 ký tự (cả dấu phân cách) số nguyên dương, (tùy trường hợp có thể chấp nhận số 0 hoặc không chấp nhận)</li> </ul>
	Cảnh báo	<a href="#">Icon</a>				<ul style="list-style-type: none"> <li>• Click hiển thị popup cấu hình chi tiết cảnh báo màu và nội dung cảnh báo trong khoảng giá trị cấu hình</li> <li>• Màn cấu hình gồm các thông tin : Linkfigma : <a href="#">Manufactory Warehouse – Figma</a></li> </ul>

ST T	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
						

bb. Checklist chức năng

STT	Checklist	Mô tả	
1	Menu	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li><a href="#">Cây menu WH</a></li> </ul>
2	Tìm kiếm	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tìm kiếm cơ bản</li> </ul>
3	Đa ngôn ngữ	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không</li> </ul>
4	Mã Lỗi	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có</li> </ul>
5	Notify	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có</li> </ul>
6	Lịch sử chỉnh sửa	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không</li> </ul>

STT	Checklist	Mô tả	
7	Import/Export	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không</li> </ul>
8	Shortcut Thêm mới	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không</li> </ul>
9	Feature và phân quyền	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có</li> </ul>
10	I18N	<input type="checkbox"/>	

cc. Chức năng ảnh hưởng

Tên chức năng bị ảnh hưởng	Mô tả chi tiết ảnh hưởng
N/A	N/A

### 3.4. Lý do

*Mục đích để khai báo MDM lý do phục vụ cho các nghiệp vụ như xác nhận giao hàng, trả hàng, hoàn hàng,...*

a. Mô tả nghiệp vụ

Chức năng	Lý do
Đối tượng ảnh hưởng	Quản trị hệ thống

<b>Kênh áp dụng</b>	Web
<b>Hiện trạng</b>	Chưa phát triển
<b>Thay đổi</b>	
<b>Đường dẫn chức năng</b>	Cây menu > Cấu hình> Lý do

<b>Actor chính</b>	Admin được cấp quyền thực hiện truy cập chức năng
<b>Mô tả</b>	Hệ thống cho phép admin xem danh sách lý do sẵn trên hệ thống và thực hiện các chức năng CRUD
<b>Trigger</b>	Admin muốn xem danh sách cấu hình lý do
<b>Điều kiện tiên quyết (Pre – conditions)</b>	AD đã được hệ thống nhận diện và ủy quyền sử dụng hệ thống
<b>Dòng sự kiện chính (Main Flow)</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>AD chọn chức năng từ cây menu theo đường dẫn Cấu hình &gt; Lý do Hệ thống hiển thị màn hình danh sách lý do</li> <li>AD thực hiện update thông tin <ol style="list-style-type: none"> <li>AD tìm kiếm thông tin lý do</li> <li>Hệ thống sẽ hiển thị kết quả tìm kiếm theo tiêu chí tìm kiếm bên trên</li> </ol> </li> </ol> <p>Kết thúc usecase.</p>
<b>Dòng sự kiện thay thế (Alternative Flows)</b>	N/a



<b>Dòng sự kiện ngoại lệ(Extension Flow)</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Nếu trong quá trình thực hiện hệ thống bị dừng bất ngờ: <ol style="list-style-type: none"> <li>Nhân viên hoặc quản lý khởi động lại hệ thống.</li> <li>Hệ thống hủy bỏ các thao tác trước đó và trở về trạng thái hoạt động bình thường</li> </ol> </li> <li>Nếu các tiêu chí tìm kiếm không có kết quả: <ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống sẽ trả về bảng rỗng</li> <li>Hệ thống thông báo : “Không tìm thấy kết quả”</li> </ol> </li> </ol>
<b>Điều kiện hoàn thành (Post – conditions)</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống hiển thị update cấu hình tính năng</li> <li>Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm</li> </ol>
<b>Business Rules</b>	N/a

b. Mô tả giao diện màn thêm mới

1. Hình ảnh



S T T	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	Max length	GT mặc định	Mô tả
		<div>Single line of text</div> <div>Checkbox</div> <div>Single choice dropdown list</div> <div>Single choice dropdown list</div>					tất của chữ Lý do 4 ký tự sau sẽ tăng dần từ 0000→9999 Lấy bằng số tăng dần cao nhất trong DB + 1 ký tự.
	Tên lý do (*)			Có			Nhập tên lý do. Tối đa 250 ký tự, có khoảng trắng, full ký tự đặc biệt, không phân biệt hoa thường, check trùng phải là duy nhất
	Ràng buộc tới hệ thống khác						Nếu tích checkbox, hiển thị 2 trường thông tin gồm : hệ thống (hiển thị danh sách các hệ thống đang hoạt động), tính năng (Hiển thị danh sách tính năng có trong hệ thống vừa chọn)
	Hệ thống		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			Hiển thị danh sách tất cả hệ thống của tổ chức
	Tính năng		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			Hiển thị danh sách tất cả các tính năng của hệ thống

c. Checklist chức năng

STT	Checklist	Mô tả	
1	Menu	<input type="checkbox"/>	• Cấp 2
2	Tìm kiếm	<input type="checkbox"/>	• Tìm kiếm cơ bản
3	Đa ngôn ngữ	<input type="checkbox"/>	• Không
4	Mã Lỗi	<input type="checkbox"/>	• ERP001, ERP004, ERP009
5	Notify	<input type="checkbox"/>	• Không có
6	Lịch sử chỉnh sửa	<input type="checkbox"/>	• Không có
7	Import/Export	<input type="checkbox"/>	• Không có
8	Shortcut Thêm mới	<input type="checkbox"/>	• Không
9	Feature và phân quyền	<input type="checkbox"/>	• Có
10	I18N	<input type="checkbox"/>	•

d. Chức năng ảnh hưởng

Tên chức năng bị ảnh hưởng	Mô tả chi tiết ảnh hưởng

### 3.5. Tính chất sản phẩm

*Mục đích để khai báo MDM tính chất sản phẩm phục vụ cho các nghiệp vụ như cấu hình định mức đóng gói sản xuất, cấu hình định mức đóng gói thương mại,..*

Mô tả nghiệp vụ

<b>Chức năng</b>	Tính chất sản phẩm
<b>Đối tượng ảnh hưởng</b>	Quản trị hệ thống
<b>Kênh áp dụng</b>	Web
<b>Hiện trạng</b>	Chưa phát triển
<b>Thay đổi</b>	
<b>Đường dẫn chức năng</b>	Cây menu > Cấu hình> Tính chất sản phẩm

<b>Actor chính</b>	Admin được cấp quyền thực hiện truy cập chức năng
<b>Mô tả</b>	Hệ thống cho phép admin xem danh sách tính chất sản phẩm sẵn trên hệ thống và thực hiện các chức năng CRUD
<b>Trigger</b>	Admin muốn xem danh sách khai báo tính chất sản phẩm
<b>Điều kiện tiên quyết (Pre – conditions)</b>	AD đã được hệ thống nhận diện và ủy quyền sử dụng hệ thống
<b>Dòng sự kiện chính (Main Flow)</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>3. AD chọn chức năng từ cây menu theo đường dẫn Cấu hình &gt; Tính chất sản phẩm Hệ thống hiển thị màn hình danh sách tính chất sản phẩm</li> <li>4. AD thực hiện update thông tin <ol style="list-style-type: none"> <li>c. AD tìm kiếm thông tin lý do</li> <li>d. Hệ thống sẽ hiển thị kết quả tìm kiếm theo tiêu chí tìm kiếm bên trên</li> </ol> </li> </ol> <p>Kết thúc usecase.</p>

<b>Dòng sự kiện thay thế (Alternative Flows)</b>	N/a
<b>Dòng sự kiện ngoại lệ(Extension Flow)</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>3. Nếu trong quá trình thực hiện hệ thống bị dừng bất ngờ: <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Nhân viên hoặc quản lý khởi động lại hệ thống.</li> <li>b. Hệ thống hủy bỏ các thao tác trước đó và trở về trạng thái hoạt động bình thường</li> </ol> </li> <li>4. Nếu các tiêu chí tìm kiếm không có kết quả: <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Hệ thống sẽ trả về bảng rỗng</li> <li>b. Hệ thống thông báo : “Không tìm thấy kết quả”</li> </ol> </li> </ol>
<b>Điều kiện hoàn thành (Post – conditions)</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>3. Hệ thống hiển thị/ cập nhật bản ghi mới nhất tại màn view chi tiết</li> </ol>
<b>Business Rules</b>	N/a

- e. Mô tả giao diện màn thêm mới
3. Hình ảnh

Thêm mới

Đối tác

Chi nhánh Hà Nội

Thêm mới

Trang chủ

Lệnh sản xuất

Kế hoạch sản xuất

Cấu hình định mức NVL

Quy trình sản xuất

Quản lý khai báo

Nhân viên

Công đoạn

Khu vực sản xuất

Cấu hình

Chi tiết

Mã tính chất

Mã tính chất

Tên tính chất

Nhập tên tính chất

Mô tả

Nhập mô tả

Trạng thái

Hủy

Thêm mới

Hướng dẫn sử dụng

FAQ

Copyright 2010 - 2024. Bản quyền site thuộc về

Link figma : [Thảo NTP – Figma](#)

#### 4. Bảng mô tả

S T T	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	Max length	GT mặc định	Mô tả
	Mã tính chất sản phẩm	<u>Single line of text</u>					1. Nhập mã tính chất sản phẩm. Tối đa 50 ký tự, không khoảng trắng, không chứa ký tự đặc biệt, chỉ cho phép ký tự đặc biệt “_”. Tự động viết hoa 2. Nếu không nhập thì tự động sinh mã theo quy tắc TCSP-STT

S T T	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	Max length	GT mặc định	Mô tả
		<u>Single line of text</u>					Cách tạo mã tự sinh: Bao gồm 8 ký tự 4 ký tự đầu sẽ là chữ cái viết tắt của chữ Tính chất sản phẩm 4 ký tự sau sẽ tăng dần từ 0000→9999 Lấy bằng số tăng dần cao nhất trong DB + 1 ký tự.
	Tên tính chất sản phẩm (*)			Có			Nhập tên tính chất sản phẩm. Tối đa 250 ký tự, có khoảng trắng, full ký tự đặc biệt, không phân biệt hoa thường, check trùng phải là duy nhất
	Mô tả		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			Tối đa 1000 ký tự có tính khoảng trắng, ký tự chữ, số, ký tự đặc biệt
	Trạng thái	Radio on/off					

f. Checklist chức năng

STT	Checklist	Mô tả	
1	Menu	<input type="checkbox"/>	• Cấp 2
2	Tìm kiếm	<input type="checkbox"/>	• Tìm kiếm cơ bản



STT	Checklist	Mô tả	
3	Đa ngôn ngữ	<input type="checkbox"/>	• Không
4	Mã Lỗi	<input type="checkbox"/>	• ERP001, ERP004, ERP009
5	Notify	<input type="checkbox"/>	• Không có
6	Lịch sử chỉnh sửa	<input type="checkbox"/>	• Có
7	Import/Export	<input type="checkbox"/>	• Không có
8	Shortcut Thêm mới	<input type="checkbox"/>	• Không
9	Feature và phân quyền	<input type="checkbox"/>	• Có
10	I18N	<input type="checkbox"/>	•

g. Chức năng ảnh hưởng

Tên chức năng bị ảnh hưởng	Mô tả chi tiết ảnh hưởng

### 3.6 Phân công làm việc

a. Mô tả nghiệp vụ

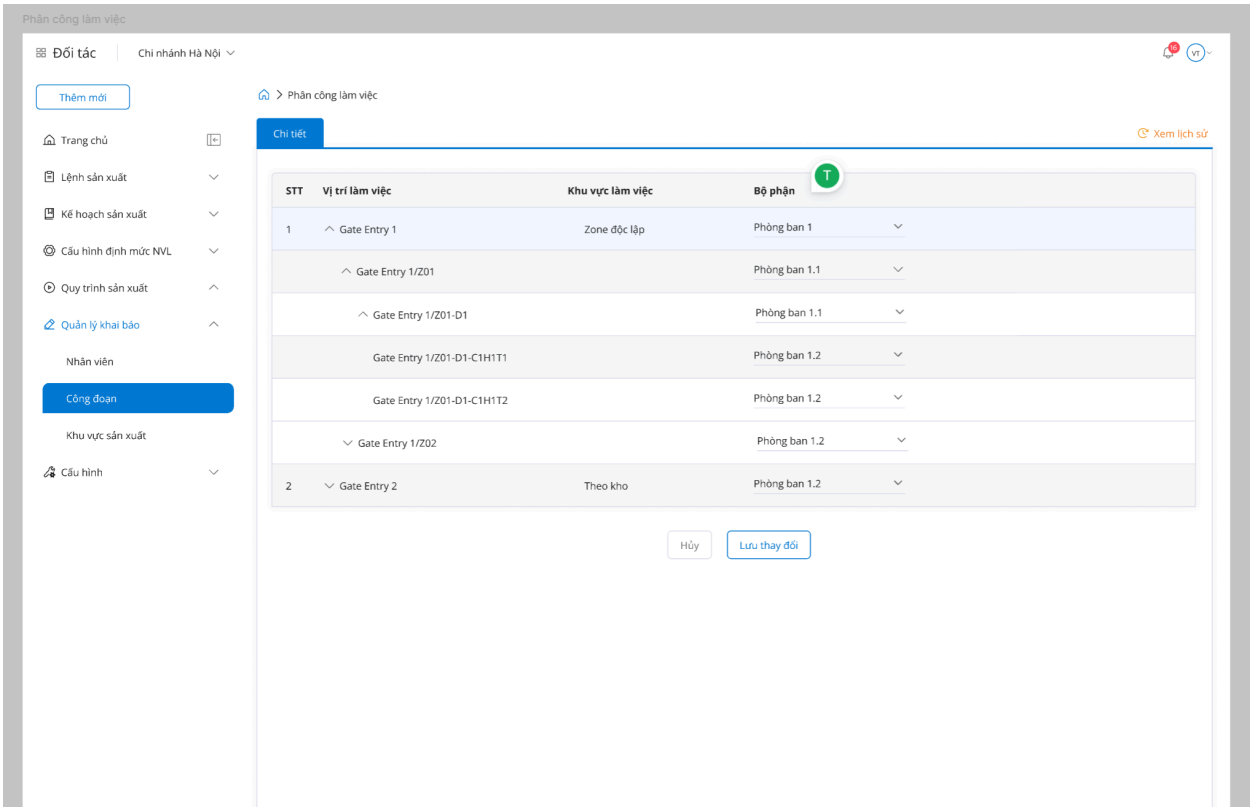
<b>Chức năng</b>	Cấu hình khu vực vị trí làm việc của nhân viên
<b>Đối tượng ảnh hưởng</b>	Nhân viên phân hệ kho
<b>Kênh áp dụng</b>	Web

<b>Hiện trạng</b>	Chưa phát triển
<b>Thay đổi</b>	
<b>Đường dẫn chức năng</b>	Quản lý nhân viên > Phân công làm việc Chi tiết theo cây menu : <a href="#">Cây menu</a>

<b>Actor chính</b>	Admin được cấp quyền thực hiện truy cập chức năng
<b>Mô tả</b>	Hệ thống cho phép admin xem và cập nhật cấu hình phân công công việc
<b>Trigger</b>	Admin muốn xem/cập nhật phân công làm việc
<b>Điều kiện tiên quyết (Pre – conditions)</b>	User đã được hệ thống nhận diện và ủy quyền sử dụng hệ thống
<b>Dòng sự kiện chính (Main Flow)</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. User chọn chức năng từ cây menu theo đường dẫn Quản lý nhân viên &gt; Phân công làm việc</li> <li>2. Hệ thống hiển thị cập nhật phân công làm việc</li> <li>3. Click cập nhật phân công làm việc</li> <li>4. Hệ thống cập nhật thông tin phân công làm việc</li> </ol> <p>Kết thúc usecase.</p>
<b>Dòng sự kiện thay thế (Alternative Flows)</b>	N/a

<b>Dòng sự kiện ngoại lệ(Extension Flow)</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nếu trong quá trình thực hiện hệ thống bị dừng bất ngờ: <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Nhân viên hoặc quản lý khởi động lại hệ thống.</li> <li>b. Hệ thống hủy bỏ các thao tác trước đó và trở về trạng thái hoạt động bình thường</li> </ol> </li> <li>2. Nếu các tiêu chí tìm kiếm không có kết quả: <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Hệ thống sẽ trả về bảng rỗng</li> <li>b. Hệ thống thông báo : “Không tìm thấy kết quả”</li> </ol> </li> </ol>
<b>Điều kiện hoàn thành (Post – conditions)</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hệ thống hiển thị màn cập nhật phân công làm việc</li> <li>2. Hệ thống cập nhật 1 bản ghi lịch sử phân công làm việc</li> </ol>
<b>Business Rules</b>	N/a

b. Giao diện



Link figma :[Thảo NTP – Figma](#)

AD chọn chức năng từ cây menu theo đường dẫn Quản lý nhân viên > Phân công làm việc  
=> Hệ thống hiển thị giao diện màn cập nhật phân công làm việc ver mới nhất

c. Mô tả màn hình

ST T	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
	Vị trí làm việc	<a href="#">Single line of text</a>				Hiển thị tất cả vị trí kho theo cấp độ TH1 : Zone độc lập Hiển thị droplist theo level : Zone cấp 1, Dãy, Cột Quyền làm việc : Cột < Dãy < Zone cấp 1 Ví dụ : Cột 1 có chọn phân công phòng ban 1

ST T	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
						<p>Dãy 1 (chứa cột 1) phân công phòng ban 2  Zone 1 (chứa dãy 1) phân công phòng ban 3  =&gt;  Nhân viên phòng ban 1 : làm việc ở cột 1  Nhân viên phòng ban 2 : làm việc ở Dây 1 (bao gồm cả cột 1)  Nhân viên phòng ban 3 : làm việc ở Zone 1 (bao gồm cả dãy 1, cột 1)  TH2 : Theo Kho  Hiện thị droplist theo level : Kho, Zone(nếu có) , Dây, Cột  Quyền làm việc : Cột &lt; Dây &lt; Zone (nếu có) &lt; Kho</p>
	Khu vực làm việc	<a href="#">Single line of text</a>		Có		<p>Hiện thị thông tin khu vực của vị trí làm việc gồm 1 trong 2 giá trị :  Zone độc lập, Kho</p>
	Bộ phận	<a href="#">Single choice dropdown list</a>				<p>Lọc danh sách tất cả các bộ phận có trong màn danh sách  Giá trị mặc định = Tất cả</p>

d. Checklist chức năng

STT	Checklist	Mô tả	
1	Menu	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Menu cấp 2</li> <li>• <a href="#">Cây menu</a></li> </ul>
2	Tìm kiếm	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tìm kiếm cơ bản</li> </ul>
3	Đa ngôn ngữ	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Không</li> </ul>
4	Mã Lỗi	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Có</li> </ul>
5	Notify	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Có</li> </ul>
6	Lịch sử chỉnh sửa	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Không</li> </ul>
7	Import/Export	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Không</li> </ul>
8	Shortcut Thêm mới	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Không</li> </ul>
9	Feature và phân quyền	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Có</li> </ul>
10	I18N	<input type="checkbox"/>	

e. Chức năng ảnh hưởng

Tên chức năng bị ảnh hưởng	Mô tả chi tiết ảnh hưởng
N/A	N/A

### 3.6 Danh sách nhân viên

#### f. Mô tả nghiệp vụ

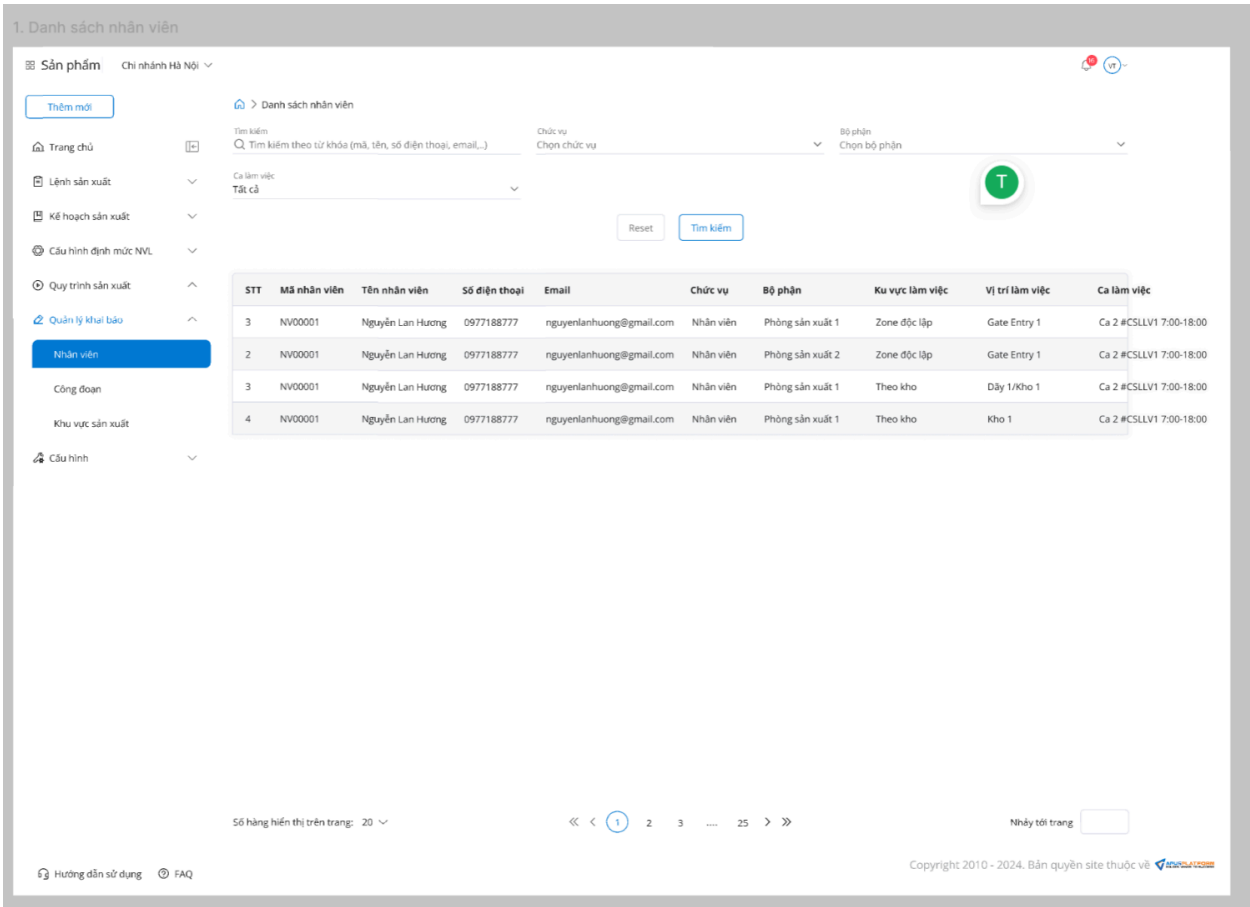
<b>Chức năng</b>	Xem danh sách nhân viên thuộc phân hệ kho
<b>Đối tượng ảnh hưởng</b>	Nhân viên phân hệ kho
<b>Kênh áp dụng</b>	Web
<b>Hiện trạng</b>	Chưa phát triển
<b>Thay đổi</b>	
<b>Đường dẫn chức năng</b>	Quản lý nhân viên > Danh sách nhân viên Chi tiết theo cây menu : <a href="#">Cây menu</a>

<b>Actor chính</b>	User được cấp quyền thực hiện truy cập chức năng
<b>Mô tả</b>	Hệ thống cho phép user xem danh sách nhân viên kho
<b>Trigger</b>	User muốn tìm kiếm nhân viên kho
<b>Điều kiện tiên quyết (Pre – conditions)</b>	User đã được hệ thống nhận diện và ủy quyền sử dụng hệ thống
<b>Dòng sự kiện chính (Main Flow)</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>User chọn chức năng từ cây menu theo đường dẫn Quản lý nhân viên &gt; Danh sách nhân viên</li> <li>Hệ thống hiển thị danh sách nhân viên kho</li> <li>User thực hiện tìm kiếm theo từ khóa, điều kiện lọc</li> </ol>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>8. Hệ thống hiển thị thông tin nhân viên theo điều kiện tìm kiếm</li> <li>9. Kết thúc usecase.</li> </ul>
<b>Dòng sự kiện thay thế (Alternative Flows)</b>	N/a
<b>Dòng sự kiện ngoại lệ(Extension Flow)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>3. Nếu trong quá trình thực hiện hệ thống bị dừng bất ngờ: <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Nhân viên hoặc quản lý khởi động lại hệ thống.</li> <li>b. Hệ thống hủy bỏ các thao tác trước đó và trở về trạng thái hoạt động bình thường</li> </ul> </li> <li>4. Nếu các tiêu chí tìm kiếm không có kết quả: <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Hệ thống sẽ trả về bảng rỗng</li> <li>b. Hệ thống thông báo : “Không tìm thấy kết quả”</li> </ul> </li> </ul>
<b>Điều kiện hoàn thành (Post – conditions)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>3. Hệ thống hiển thị màn danh sách nhân viên</li> </ul>
<b>Business Rules</b>	N/a



g. Giao diện



Link figma : [Thảo NTP – Figma](#)

AD chọn chức năng từ cây menu theo đường dẫn Quản lý nhân viên > Danh sách nhân viên  
=> Hệ thống hiển thị giao diện danh sách hiển thị có phân trang được sắp xếp thứ tự theo thứ tự bản ghi mới nhất được đẩy lên đầu.

h. Mô tả màn hình

ST T	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
Tìm kiếm						
	Tìm kiếm theo từ khóa	<a href="#">Search</a> <a href="#">text input</a>				Tìm kiếm theo từ khóa : maxlength 50 ký tự, cho phép nhập chữ số

ST T	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
						<p>khoảng trắng, hiển thị placeholder “Nhập từ khóa”</p> <p>Tìm kiếm tương đối các trường thông tin : Mã , tên, email, số điện thoại,...</p>
	Bộ phận	<a href="#">Single choice dropdown list</a>				<p>Lọc danh sách tất cả các bộ phận có trong màn danh sách</p> <p>Giá trị mặc định = Tất cả</p>
	Chức vụ	<a href="#">Single choice dropdown list</a>				<p>Lọc danh sách tất cả các chức vụ của nhân viên có trong màn danh sách</p> <p>Giá trị mặc định = Tất cả</p>
	Khu vực làm việc	<a href="#">Single line of text</a>		Có		<p>Hiển thị thông tin khu vực gồm một trong 2 giá trị : Zone độc lập, Kho</p>
	Vị trí làm việc	<a href="#">Single line of text</a>		Có		<p>Hiển thị thông tin vị trí làm việc check theo phân công công việc map với bộ phận (nhân viên thuộc bộ phận)</p>
	Ca làm việc	<a href="#">Single choice</a>				<p>Lọc danh sách tất cả các ca làm việc áp dụng cho nhân viên có trong màn danh sách</p> <p>Giá trị mặc định = Tất cả</p>

ST T	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
		<a href="#">dropdown n list</a>				
Bảng grid						
	STT					
	Mã nhân viên	<a href="#">Single line of text</a>		Có		Hiển thị danh sách tất cả mã nhân viên kho thuộc bộ phận được map từ màn phân công làm việc
2	Tên nhân viên	<a href="#">Single line of text</a>		Có		Hiển thị tên nhân viên lấy từ phân hệ parner (hoặc company..)
	Số điện thoại	<a href="#">Single line of text</a>		Có		Hiển thị thông tin số điện thoại của nhân viên lấy từ phân hệ company
	Email	<a href="#">Single line of text</a>		Có		Hiển thị thông tin email của nhân viên lấy từ phân hệ company
	Chức vụ	<a href="#">Single line of text</a>		Có		Hiển thị thông tin chức vụ của nhân viên lấy từ phân hệ company

ST T	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
	Bộ phận	<a href="#">Single line of text</a>		Kh ông		Hiển thị thông tin bộ phận của nhân viên lấy từ phân hệ company
	Ca làm việc	<a href="#">Single line of text</a>		Có		Hiển thị ca làm việc của nhân viên lấy từ chính sách lịch làm việc tại phân hệ HRM

i. Checklist chức năng

STT	Checklist	Mô tả	
1	Menu	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Menu cấp 2</li> <li><a href="#">Cây menu</a></li> </ul>

STT	Checklist	Mô tả	
2	Tìm kiếm	<input checked="" type="checkbox"/>	• Tìm kiếm cơ bản
3	Đa ngôn ngữ	<input type="checkbox"/>	• Không
4	Mã Lỗi	<input checked="" type="checkbox"/>	• Có
5	Notify	<input checked="" type="checkbox"/>	• Có
6	Lịch sử chỉnh sửa	<input type="checkbox"/>	• Không
7	Import/Export	<input type="checkbox"/>	• Không
8	Shortcut Thêm mới	<input type="checkbox"/>	• Không
9	Feature và phân quyền	<input checked="" type="checkbox"/>	• Có
10	I18N	<input type="checkbox"/>	

j. Chức năng ảnh hưởng

Tên chức năng bị ảnh hưởng	Mô tả chi tiết ảnh hưởng
N/A	N/A

### 3.8 Quản lý tài sản

k. Mô tả nghiệp vụ

<b>Chức năng</b>	Xem danh sách tài sản của kho thành phẩm
------------------	--

<b>Đối tượng ảnh hưởng</b>	Nhân viên bộ phận
<b>Kênh áp dụng</b>	Web
<b>Hiện trạng</b>	Chưa phát triển
<b>Thay đổi</b>	
<b>Đường dẫn chức năng</b>	Quản lý tài sản

<b>Actor chính</b>	User được cấp quyền thực hiện truy cập chức năng
<b>Mô tả</b>	Hệ thống cho phép user xem danh sách tài sản của kho thành phẩm (đã được cấp phát) đã tạo có sẵn trên hệ thống
<b>Trigger</b>	User muốn xem danh sách tài sản kho quản lý
<b>Điều kiện tiên quyết (Pre – conditions)</b>	User đã được hệ thống nhận diện và ủy quyền sử dụng hệ thống
<b>Dòng sự kiện chính (Main Flow)</b>	<p>10. User chọn chức năng từ cây menu theo đường dẫn Quản lý tài sản</p> <p>11. Hệ thống hiển thị danh sách mã định danh tài sản của kho (đã được cấp phát) của user đang đăng nhập</p> <p>12. Click xem chi tiết mã định danh</p> <p>13. Hệ thống hiển thị màn view chi tiết thông tin của mã định danh</p> <p>Kết thúc usecase.</p>
<b>Dòng sự kiện thay thế (Alternative Flows)</b>	N/a

<b>Dòng sự kiện ngoại lệ(Extension Flow)</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>5. Nếu trong quá trình thực hiện hệ thống bị dừng bất ngờ: <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Nhân viên hoặc quản lý khởi động lại hệ thống.</li> <li>b. Hệ thống hủy bỏ các thao tác trước đó và trở về trạng thái hoạt động bình thường</li> </ol> </li> <li>6. Nếu các tiêu chí tìm kiếm không có kết quả: <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Hệ thống sẽ trả về bảng rỗng</li> <li>b. Hệ thống thông báo : “Không tìm thấy kết quả”</li> </ol> </li> </ol>
<b>Điều kiện hoàn thành (Post – conditions)</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>4. Hệ thống hiển thị màn tìm kiếm danh sách tài sản</li> <li>5. Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm</li> </ol>
<b>Business Rules</b>	N/a

ST T	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
Tìm kiếm						



ST T	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
	Tìm kiếm theo từ khóa	<a href="#">Search text input</a>				<p>Tìm kiếm theo từ khóa : maxlength 50 ký tự, cho phép nhập chữ số khoảng trắng, hiển thị placeholder “Nhập từ khóa”</p> <p>Tìm kiếm tương đối các trường thông tin : Mã , tên</p>
	Bộ phận	<a href="#">Single choice dropdown list</a>				<p>Lọc danh sách tất cả các bộ phận có trong màn danh sách tài sản bộ phận đang được cấp phát</p> <p>Giá trị mặc định = Tất cả</p>
	Nhân viên	<a href="#">Single choice dropdown list</a>				<p>Lọc danh sách tất cả các nhân viên có trong màn danh sách tài sản đang được cấp phát</p> <p>Giá trị mặc định = Tất cả</p>
	Khu vực	<a href="#">Single choice dropdown list</a>				<p>Lọc danh sách tất cả các khu vực có trong màn danh sách tài sản đang được cấp phát</p> <p>Giá trị mặc định = Tất cả</p>
	Vị trí	<a href="#">Single choice dropdown list</a>				<p>Lọc danh sách tất cả các vị trí có trong màn danh sách tài sản đang được cấp phát</p> <p>Giá trị mặc định = Tất cả</p>

Bảng grid

ST T	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
	Ảnh tài sản	<a href="#">Single line of text</a>		Không		Hiển thị ảnh của tài sản lấy bên product
	Mã định danh	<a href="#">Single line of text</a>		Có		Hiển thị danh sách tất cả mã định danh tài sản được cấp phát cho tổ chức, phòng ban, nhân viên kho
	Mã tài sản	<a href="#">Single line of text</a>		Có		Hiển thị mã tài sản của mã định danh được cấp phát cho tổ chức, phòng ban, nhân viên kho
2	Tên tài sản	<a href="#">Single line of text</a>		Có		Hiển thị tài sản của mã định danh được cấp phát cho tổ chức, phòng ban, nhân viên kho
	Đối tượng CP	<a href="#">Single line of text</a>		Không		Hiển thị đối tượng được cấp phát tài sản là một trong các giá trị : Tổ chức, Bộ phận, Nhân viên
	Bộ phận	<a href="#">Single line of text</a>		Không		Hiển thị thông tin bộ phận trong trường hợp mã định danh được cấp phát cho bộ phận

ST T	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
	Người phụ trách	<a href="#">Single line of text</a>		Kh ông		Hiển thị thông tin bộ phận trong trường hợp mã định danh được cấp phát cho nhân viên
	Khu vực	<a href="#">Single line of text</a>		Có		Hiển thị thông tin khu vực gồm một trong 2 giá trị : Zone độc lập, Kho
	Vị trí	<a href="#">Single line of text</a>		Có		Hiển thị thông tin vị trí quản lý check theo phân công công việc map với bộ phận (nhân viên thuộc bộ phận)
	Tình trạng	<a href="#">Single line of text</a>		Có		Hiển thị tình trạng của mã định danh của tài sản được cấp phát của đối tượng

n. Checklist chức năng

STT	Checklist	Mô tả	
1	Menu	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Menu cấp 2</li> <li><a href="#">Cây menu</a></li> </ul>
2	Tìm kiếm	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tìm kiếm cơ bản</li> </ul>
3	Đa ngôn ngữ	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không</li> </ul>
4	Mã Lỗi	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có</li> </ul>
5	Notify	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có</li> </ul>
6	Lịch sử chỉnh sửa	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không</li> </ul>
7	Import/Export	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không</li> </ul>
8	Shortcut Thêm mới	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không</li> </ul>
9	Feature và phân quyền	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có</li> </ul>
10	I18N	<input type="checkbox"/>	

o. Chức năng ảnh hưởng

Tên chức năng bị ảnh hưởng	Mô tả chi tiết ảnh hưởng
N/A	N/A

### 3.9 Cấu hình định mức đóng gói sản xuất

p. Mô tả nghiệp vụ

<b>Chức năng</b>	Thêm mới cấu hình định mức đóng gói sản xuất
<b>Đối tượng ảnh hưởng</b>	Nhân viên sản xuất, nhân viên kho
<b>Kênh áp dụng</b>	Web
<b>Hiện trạng</b>	Chưa phát triển
<b>Thay đổi</b>	
<b>Đường dẫn chức năng</b>	Khai báo > Cấu hình định mức > Đóng gói (sản xuất)

<b>Actor chính</b>	Admin được cấp quyền thực hiện truy cập chức năng
<b>Mô tả</b>	Hệ thống cho phép admin thực hiện khai báo cấu hình định mức đóng gói sản xuất. Mục đích để cấu hình tiêu chuẩn bao bì + số lượng cần sử dụng để đóng gói thành phẩm sản xuất, hàng hóa OEM,...
<b>Trigger</b>	Admin được phép xem/thêm mới tại màn danh sách cấu hình định mức đóng gói sản xuất
<b>Điều kiện tiên quyết (Pre – conditions)</b>	User đã được hệ thống nhận diện và ủy quyền sử dụng hệ thống
<b>Dòng sự kiện chính (Main Flow)</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>14. User chọn chức năng từ cây menu theo đường dẫn Cấu hình &gt; Định mức đóng gói sản xuất</li><li>15. Hệ thống hiển thị danh sách các cấu hình định mức đã có sẵn trên hệ thống</li><li>16. Click thêm mới tại màn danh sách</li><li>17. Hệ thống hiển thị màn thêm mới cấu hình định mức</li><li>18. User thực hiện nhập thông tin màn thêm mới (chi tiết ở phần mô tả</li></ol>

	<p>màn hình)</p> <p>19. Check thông tin input :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+Nếu thông tin bắt buộc chưa nhập đủ =&gt; Hiện thị mã lỗi <a href="#">ERP0009</a> + quay lại bước 3</li> <li>+Nếu thông tin input trùng với thông tin đã có trong hệ thống =&gt; Hiện thị mã lỗi <a href="#">ERP002</a></li> </ul> <p>+Nếu thông tin bắt buộc hợp lệ =&gt; Điều hướng về màn xem chi tiết bản ghi vừa tạo</p> <p>20. User click button thêm mới</p> <p>21. Hệ thống kiểm tra ở tầng server : check thông tin bắt buộc (một lần nữa), check thông tin trùng.</p> <p>Server lưu lại các thông tin và trả về :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các câu lệnh do người dùng tạo theo thứ tự từ trên xuống dưới</li> <li>- Các điều kiện tham số cho từng câu lệnh</li> <li>- DB truy xuất dữ liệu user tác động</li> <li>- Thời gian tác động (thời gian tác động được lưu theo định dạng dd/mm/yyyy hh:pp:ss)</li> </ul> <p>Tiếp nhận kết quả và xử lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưu thông tin thất bại <ul style="list-style-type: none"> <li>+Nếu thông tin bắt buộc chưa nhập đủ =&gt; Hiện thị mã lỗi <a href="#">ERP0009</a> + quay lại bước 3 và giữ nguyên thông tin người dùng đã nhập trước đó.</li> <li>+Nếu thông tin input trùng với thông tin đã có trong hệ thống =&gt; Hiện thị mã lỗi <a href="#">ERP002</a> và giữ nguyên thông tin người dùng đã nhập trước đó.</li> </ul> </li> <li>- Lưu thông tin thành công <ul style="list-style-type: none"> <li>+Nếu thông tin bắt buộc hợp lệ =&gt; Điều hướng về màn xem chi tiết bản ghi vừa tạo</li> </ul> </li> </ul> <p>22. Hiện thị màn chi tiết cấu hình định mức đóng gói sản xuất</p> <p>Kết thúc usecase.</p>
<p><b>Dòng sự kiện thay thế (Alternative Flows)</b></p>	<p>N/a</p>

<b>Dòng sự kiện ngoại lệ(Extension Flow)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>7. Nếu trong quá trình thực hiện hệ thống bị dừng bất ngờ: <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Nhân viên hoặc quản lý khởi động lại hệ thống.</li> <li>b. Hệ thống hủy bỏ các thao tác trước đó và trở về trạng thái hoạt động bình thường</li> </ul> </li> <li>8. Nếu các tiêu chí tìm kiếm không có kết quả: <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Hệ thống sẽ trả về bảng rỗng</li> <li>b. Hệ thống thông báo : “Không tìm thấy kết quả”</li> </ul> </li> </ul>
<b>Điều kiện hoàn thành (Post – conditions)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>6. Hệ thống hiển thị màn chi tiết cấu hình định mức vừa tạo</li> <li>7. Hệ thống cập nhật 1 bản ghi mới tại màn danh sách</li> </ul>
<b>Business Rules</b>	N/a

## q. Giao diện

**SẢN PHẨM** Chi nhánh Hà Nội

Thêm mới

Chi tiết

Mã định mức: DM-0001

Cấu hình cho sản phẩm: Có nhóm đơn vị tính

Nhóm đơn vị tính: Nhóm gạch kích thước 40x40

Đơn vị lưu kho: Hộp

**Sản phẩm đóng gói**

Đơn vị áp dụng: Danh mục sản xuất 1

Sản phẩm áp dụng: Gạch 40x80 Bông X Gạch 40x80 Mát X

Đơn vị áp dụng: Danh mục sản xuất 1

Sản phẩm áp dụng: Gạch 40x80 Bông X Gạch 40x80 Mát X

**Quy cách đóng gói**

Mã quy cách đóng gói: DM-0001-

Quy cách đóng gói: Thùng (= 12 hộp)

STT	SKU	Tên vật tư	Số lượng
1	Day001	Dây đai 1m2	1 cái
2	Baobi001	Hộp giấy 40x40mm	1 cái

Thêm nguyên vật liệu Thêm nhanh nguyên vật liệu

Mã quy cách đóng gói: DM-0001-

Quy cách đóng gói: Pallet (= 24 hộp)

STT	SKU	Tên vật tư	Số lượng
1	Day001	Dây đai 1m2	1 cái
2	Baobi001	Hộp giấy 40x40mm	1 cái

Thêm nguyên vật liệu Thêm nhanh nguyên vật liệu

Mã quy cách đóng gói: DM-0001-

Quy cách đóng gói: Pallet (= 2 Thùng)

STT	SKU	Tên vật tư	Số lượng
1	Day001	Dây đai 1m2	1 cái
2	Baobi001	Hộp giấy 40x40mm	1 cái

Thêm nguyên vật liệu Thêm nhanh nguyên vật liệu

Hủy Thêm mới

Link figma : [Thảo NTP – Figma](#)

AD chọn chức năng từ cây menu theo đường dẫn Khai báo > Cấu hình định mức > Định mức đóng gói (sản xuất)

=> Hệ thống hiển thị giao diện danh sách hiển thị có phân trang được sắp xếp thứ tự theo thứ tự bản ghi mới nhất được đẩy lên đầu.



r. Mô tả màn hình

STT	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
	Mã định mức	<a href="#">Single line of text</a>				<p>1. Nhập mã định mức. Tối đa 50 ký tự, không khoảng trắng, không chứa ký tự đặc biệt, chỉ cho phép ký tự đặc biệt “_”. Tự động viết hoa</p> <p>2. Nếu không nhập thì tự động sinh mã theo quy tắc ĐMDGSX-STT</p> <p>Cách tạo mã tự sinh:            Bao gồm 10 ký tự            6 ký tự đầu sẽ là chữ cái viết tắt của chữ : Định mức đóng gói sản xuất            4 ký tự sau sẽ tăng dần từ 0000→9999            Lấy bằng số tăng dần cao nhất trong DB + 1 ký tự.</p>
	Cấu hình cho sản phẩm	<a href="#">Single choice dropdown list</a>				Fix cứng gồm 2 giá trị : Không có nhóm đơn vị tính, Có nhóm đơn vị tính
	Nhóm đơn vị tính	<a href="#">Single choice dropdown list</a>				<p>Hiện thị trường thông tin này trong trường hợp chọn cấu hình cho sản phẩm = Có nhóm đơn vị tính</p> <p>Lấy danh sách tất cả các nhóm đơn vị tính đã được khai báo bên màn quản lý nhóm đơn vị tính bên phân hệ product</p>

STT	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
	Đơn vị lưu kho	<a href="#">Single choice</a> <a href="#">dropdo</a> <a href="#">wn list</a> Hoặc <a href="#">Single line of text</a>				TH1 : Cấu hình sản phẩm có nhóm đơn vị tính Hiện thị đơn vị lưu kho gốc của nhóm đơn vị tính vừa chọn TH2 : Cấu hình sản phẩm không có nhóm đơn vị tính Lấy danh sách tất cả các đơn vị lưu kho tại màn quản lý đơn vị tính
	<b>Sản phẩm áp dụng</b>					
	Danh mục sản phẩm	<a href="#">Single choice</a> <a href="#">dropdo</a> <a href="#">wn list</a>				Droplist danh sách tất cả danh mục sản phẩm có type thành phẩm sản xuất và có chứa sản phẩm có nhóm đơn vị tính hoặc đơn vị lưu kho vừa chọn
	Sản phẩm áp dụng	<a href="#">Single choice</a> <a href="#">dropdo</a> <a href="#">wn list</a>				Droplist danh sách tất cả sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm có type thành phẩm sản xuất và có chứa sản phẩm có nhóm đơn vị tính hoặc đơn vị lưu kho vừa chọn Search theo dạng table gồm : SKU, Tên sản phẩm
	<b>Quy cách đóng gói</b>					

STT	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
	Mã quy cách đóng gói	<a href="#">Single line of text</a>				<p>1. Nhập mã quy cách đóng gói cho định mức. Tối đa 50 ký tự, không khoảng trắng, không chứa ký tự đặc biệt, chỉ cho phép ký tự đặc biệt “_”. Tự động viết hoa</p> <p>2. Tự động suggest theo mã của định mức</p> <p>Cách tạo mã tự sinh: = mã định mức + “-”</p> <p>2. Trường hợp không nhập mã, tự động sinh mã theo định dạng : Mã định mức + -QCĐG-STT Ví dụ : DMDGSX-1-QCDG-1 Bao gồm 15 ký tự 8 ký tự đầu sẽ là mã Định mức đóng gói sản xuất 6 ký tự sau : viết tắt -Quy cách đóng gói- 4 ký tự sau sẽ tăng dần từ 0000→9999 Lấy bằng số tăng dần cao nhất trong DB + 1 ký tự.</p>
	Quy cách đóng gói	<a href="#">Single choice dropdown list</a> Hoặc <a href="#">Single line of text</a>				<p>TH1 : Cấu hình sản phẩm có nhóm đơn vị tính Lấy danh sách tất cả các đơn vị tính + tỷ lệ quy đổi theo đơn vị lưu kho được áp dụng của nhóm đơn vị tính</p> <p>TH2 : Cấu hình sản phẩm không có nhóm đơn vị tính Hiện thị đơn vị lưu kho của sản phẩm vừa chọn bên trên</p>

STT	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
	SKU	<a href="#">Single choice dropdown list</a>				Droplist danh sách tất cả sản phẩm thuộc có type vật tư tiêu hao bên product Search theo dạng table gồm : SKU, Tên bao bì/vật tư
	Tên bao bì/vật tư					Hiện thị tên sản phẩm sau khi chọn SKU
	Số lượng					<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhập số lượng bao bì vật tư cần sử dụng cho quy cách đóng gói</li> <li>Tối đa 20 ký tự (cả dấu phân cách) số nguyên dương, (tùy trường hợp có thể chấp nhận số 0 hoặc không chấp nhận)</li> <li>Đơn vị tính : Hiện thị danh sách đơn vị tính bao bì/vật tư được phép áp dụng (theo nhóm đơn vị tính hoặc đơn vị lưu kho). Giá trị mặc định = đơn vị lưu kho</li> </ul>
	Thêm bao bì/vật tư	Button				Hiện thị 1 line mới để chọn SKU, bao bì/vật tư

STT	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
	Thêm nhanh bao bì/vật tư	Button				<p>Click hiển thị popup màn thêm mới product (type vật tư tiêu hao)</p> <p>Sau khi thêm mới thành công :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tự động fill thông tin SKU vừa tạo vào dưới cùng</li> <li>+ Lưu 1 bản ghi và hiển thị tại màn danh sách vật tư tiêu hao bên product</li> <li>● Màn popup thêm nhanh bao bì/vật tư các thông tin :</li> </ul> <p>Linkfigma :</p>

s. Checklist chức năng

STT	Checklist	Mô tả	
1	Menu	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Menu cấp 3</li> <li><a href="#">Cây menu</a></li> </ul>
2	Tìm kiếm	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tìm kiếm cơ bản</li> </ul>
3	Đa ngôn ngữ	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không</li> </ul>
4	Mã Lỗi	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có</li> </ul>
5	Notify	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có</li> </ul>
6	Lịch sử chỉnh sửa	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không</li> </ul>
7	Import/Export	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không</li> </ul>
8	Shortcut Thêm mới	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không</li> </ul>
9	Feature và phân quyền	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có</li> </ul>
10	I18N	<input type="checkbox"/>	

t. Chức năng ảnh hưởng

Tên chức năng bị ảnh hưởng	Mô tả chi tiết ảnh hưởng
N/A	N/A

### 3.10 Cấu hình định mức đóng gói thương mại

u. Mô tả nghiệp vụ

<b>Chức năng</b>	Thêm mới cấu hình định mức đóng gói thương mại
<b>Đối tượng ảnh hưởng</b>	Nhân viên sản xuất, nhân viên kho
<b>Kênh áp dụng</b>	Web
<b>Hiện trạng</b>	Chưa phát triển
<b>Thay đổi</b>	
<b>Đường dẫn chức năng</b>	Khai báo > Cấu hình định mức > Đóng gói (Thương mại)

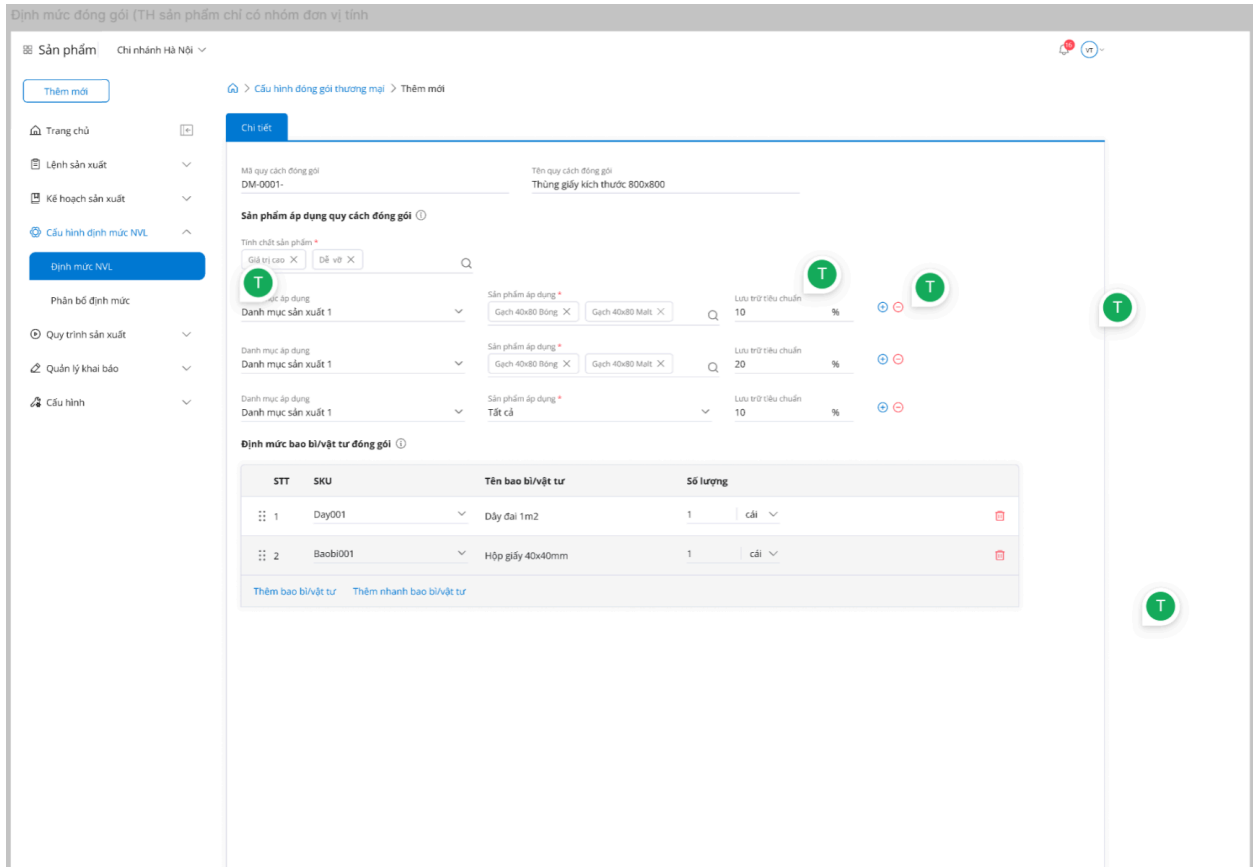
<b>Actor chính</b>	Admin được cấp quyền thực hiện truy cập chức năng
<b>Mô tả</b>	Hệ thống cho phép admin thực hiện khai báo cấu hình định mức đóng gói thương mại. Mục đích để cấu hình định mức đóng gói kiện hàng khi đóng gói cho phiếu giao hàng
<b>Trigger</b>	Admin được phép xem/thêm mới tại màn danh sách cấu hình định mức đóng gói thương mại
<b>Điều kiện tiên quyết (Pre – conditions)</b>	User đã được hệ thống nhận diện và ủy quyền sử dụng hệ thống
<b>Dòng sự kiện chính (Main Flow)</b>	<p>23. User chọn chức năng từ cây menu theo đường dẫn Cấu hình &gt; Định mức đóng gói thương mại</p> <p>24. Hệ thống hiển thị danh sách các cấu hình định mức đã có sẵn trên hệ thống</p> <p>25. Click thêm mới tại màn danh sách</p> <p>26. Hệ thống hiển thị màn thêm mới cấu hình định mức</p> <p>27. User thực hiện nhập thông tin màn thêm mới (chi tiết ở phần mô tả màn hình)</p> <p>28. Check thông tin input :</p> <p>+Nếu thông tin bắt buộc chưa nhập đủ =&gt; Hiển thị mã lỗi <a href="#">ERP0009</a> + quay lại bước 3</p>

	<p>+Nếu thông tin input trùng với thông tin đã có trong hệ thống =&gt; Hiện thị mã lỗi <a href="#">ERP002</a></p> <p>+Nếu thông tin bắt buộc hợp lệ =&gt; Điều hướng về màn xem chi tiết bản ghi vừa tạo</p> <p>29. User click button thêm mới</p> <p>30. Hệ thống kiểm tra ở tầng server : check thông tin bắt buộc (một lần nữa), check thông tin trùng.</p> <p>Server lưu lại các thông tin và trả về :</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Các câu lệnh do người dùng tạo theo thứ tự từ trên xuống dưới</li><li>- Các điều kiện tham số cho từng câu lệnh</li><li>- DB truy xuất dữ liệu user tác động</li><li>- Thời gian tác động (thời gian tác động được lưu theo định dạng dd/mm/yyyy hh:pp:ss)</li></ul> <p>Tiếp nhận kết quả và xử lý:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Lưu thông tin thất bại</li></ul> <p>+Nếu thông tin bắt buộc chưa nhập đủ =&gt; Hiện thị mã lỗi <a href="#">ERP0009</a> + quay lại bước 3 và giữ nguyên thông tin người dùng đã nhập trước đó.</p> <p>+Nếu thông tin input trùng với thông tin đã có trong hệ thống =&gt; Hiện thị mã lỗi <a href="#">ERP002</a> và giữ nguyên thông tin người dùng đã nhập trước đó.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Lưu thông tin thành công</li></ul> <p>+Nếu thông tin bắt buộc hợp lệ =&gt; Điều hướng về màn xem chi tiết bản ghi vừa tạo</p> <p>31. Hiện thị màn chi tiết cấu hình định mức đóng gói thương mại</p> <p>Kết thúc usecase.</p>
<b>Dòng sự kiện thay thế (Alternative Flows)</b>	N/a



<b>Dòng sự kiện ngoại lệ(Extension Flow)</b>	<p>9. Nếu trong quá trình thực hiện hệ thống bị dừng bất ngờ:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nhân viên hoặc quản lý khởi động lại hệ thống.</li> <li>Hệ thống hủy bỏ các thao tác trước đó và trở về trạng thái hoạt động bình thường</li> </ol> <p>10. Nếu các tiêu chí tìm kiếm không có kết quả:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống sẽ trả về bảng rỗng</li> <li>Hệ thống thông báo : “Không tìm thấy kết quả”</li> </ol>
<b>Điều kiện hoàn thành (Post – conditions)</b>	<p>8. Hệ thống hiển thị màn chi tiết cấu hình định mức vừa tạo</p> <p>9. Hệ thống cập nhật 1 bản ghi mới tại màn danh sách</p>
<b>Business Rules</b>	N/a

## v. Giao diện



Link figma : [Thảo NTP – Figma](#)

AD chọn chức năng từ cây menu theo đường dẫn Khai báo > Cấu hình định mức > Định mức đóng gói (thương mại)

=> Hệ thống hiển thị giao diện danh sách hiển thị có phân trang được sắp xếp thứ tự theo thứ tự bản ghi mới nhất được đẩy lên đầu.

w. Mô tả màn hình

STT	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
	Mã quy cách đóng gói	<a href="#">Single line of text</a>				<p>1. Nhập mã quy cách đóng gói thương mại. Tối đa 50 ký tự, không khoảng trắng, không chứa ký tự đặc biệt, chỉ cho phép ký tự đặc biệt “_”. Tự động viết hoa</p> <p>2. Nếu không nhập thì tự động sinh mã theo quy tắc QCDGTM-STT</p> <p>Cách tạo mã tự sinh:            Bao gồm 10 ký tự            6 ký tự đầu sẽ là chữ cái viết tắt của chữ : Quy cách đóng gói thương mại            4 ký tự sau sẽ tăng dần từ 0000→9999            Lấy bằng số tăng dần cao nhất trong DB + 1 ký tự.</p>
	<b>Sản phẩm áp dụng quy cách đóng gói</b>					
	Tính chất sản phẩm	<a href="#">Single choice dropdown list</a>				Droplist danh sách tất cả tính chất sản phẩm đang active tại màn quản lý tính chất sản phẩm
	Danh mục sản phẩm	<a href="#">Single choice dropdown list</a>				Droplist danh sách tất cả danh mục sản phẩm có type có thể bán
	Sản phẩm áp dụng	<a href="#">Single choice dropdown list</a>				Droplist danh sách tất cả sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm vừa chọn

STT	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
		<a href="#">Single line of text</a>				Search theo dạng table gồm : SKU, Tên sản phẩm, Đơn vị lưu kho
	Lưu trữ tối đa					<ul style="list-style-type: none"><li>Nhập không gian lưu trữ tối đa của 1SKU/1đơn vị lưu kho</li><li>Tối đa 20 ký tự (cả dấu phân cách) số nguyên dương, (tùy trường hợp có thể chấp nhận số 0 hoặc không chấp nhận)</li><li>Đơn vị tính : Hiển thị giá trị mặc định = % Validate theo 1 line &lt;= 100%</li></ul>
Định mức bao bì/vật tư đóng gói						
	SKU	<a href="#">Single choice dropdown list</a>				Droplist danh sách tất cả sản phẩm thuộc có type vật tư tiêu hao bên product Search theo dạng table gồm : SKU, Tên bao bì/vật tư
	Tên bao bì/vật tư					Hiển thị tên sản phẩm sau khi chọn SKU

STT	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
	Số lượng	<a href="#">Single line of text</a>				<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhập số lượng bao bì vật tư cần sử dụng cho quy cách đóng gói</li> <li>• Tối đa 20 ký tự (cả dấu phân cách) số nguyên dương, (tùy trường hợp có thể chấp nhận số 0 hoặc không chấp nhận)</li> <li>• Đơn vị tính : Hiển thị danh sách đơn vị tính bao bì/vật tư được phép áp dụng (theo nhóm đơn vị tính hoặc đơn vị lưu kho). Giá trị mặc định = đơn vị lưu kho</li> </ul>
	Thêm bao bì/vật tư	Button				Hiển thị 1 line mới để chọn SKU, bao bì/vật tư
	Thêm nhanh bao bì/vật tư	Button				<p>Click hiển thị popup màn thêm mới product (type vật tư tiêu hao)</p> <p>Sau khi thêm mới thành công :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tự động fill thông tin SKU vừa tạo vào dưới cùng</li> <li>+ Lưu 1 bản ghi và hiển thị tại màn danh sách vật tư tiêu hao bên product</li> </ul>

STT	Tên trường	Loại Control	Chỉnh sửa	Bắt buộc	GT mặc định	Mô tả
						<ul style="list-style-type: none"> <li>Màn popup thêm nhanh bao bì/vật tư các thông tin :</li> <li>Linkfigma :</li> </ul>

x. Checklist chức năng

STT	Checklist	Mô tả	
1	Menu	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Menu cấp 3</li> <li><a href="#">Cây menu</a></li> </ul>
2	Tìm kiếm	<input checked="" type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tìm kiếm cơ bản</li> </ul>
3	Đa ngôn ngữ	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không</li> </ul>

STT	Checklist	Mô tả	
4	Mã Lỗi	<input checked="" type="checkbox"/>	• Có
5	Notify	<input checked="" type="checkbox"/>	• Có
6	Lịch sử chỉnh sửa	<input type="checkbox"/>	• Không
7	Import/Export	<input type="checkbox"/>	• Không
8	Shortcut Thêm mới	<input type="checkbox"/>	• Không
9	Feature và phân quyền	<input checked="" type="checkbox"/>	• Có
10	I18N	<input type="checkbox"/>	

y. Chức năng ảnh hưởng

Tên chức năng bị ảnh hưởng	Mô tả chi tiết ảnh hưởng
N/A	N/A